

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 13/10/2008. Giấy phép điều chỉnh số 101/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 05/11//2021

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306081775 cấp lần đầu ngày 13/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01/07/2022)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định chấp thuận niêm yết số: 6.27/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 26 tháng 06 năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

Trụ sở chính : Lầu 1, Số 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận I, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 6255 6586

Fax : 028 6255 6580

Website : <https://www.vfs.com.vn/>

Phu trách công bố thông tin

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hằng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Số điện thoại: 028 6255 6586

Fax: 028 6255 6580

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 13/10/2008. Giấy
phép điều chỉnh số 101/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 05/11/2021

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306081775 cấp lần đầu ngày 13/10/2008, đăng ký
thay đổi lần thứ 6 ngày 01/07/2022)



VIETFIRST
SECURITIES

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	VFS
Mệnh giá:	10.000 VNĐ/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	80.250.000 cổ phiếu (Tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết: (theo mệnh giá)	802.500.000.000 đồng (Tám trăm lẻ hai tỷ năm trăm triệu đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3820 5944 - 028 3820 5947

Fax: 028 3820 5942

Website: <https://aascs.com.vn/>

MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	11
3. Rủi ro đặc thù.....	12
4. Rủi ro khác.....	15
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	15
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	19
1. Quá trình hình thành phát triển.....	19
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	26
3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty.....	28
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông.....	36
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức niêm yết, những Công ty mà Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	38
6. Hoạt động kinh doanh.....	38
7. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	50
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	58
9. Chính sách đối với người lao động.....	62
10. Chính sách chi trả cổ tức.....	64
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	65
12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	75
13. Tài sản.....	88
14. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	89
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:.....	92
16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:.....	92
17. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	92
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	92
1. Loại chứng khoán.....	92

2. Mệnh giá	92
3. Tổng số chứng khoán niêm yết:	92
4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết	92
5. Xếp hạng tín nhiệm	95
6. Phương pháp tính giá	95
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	96
8. Các loại thuế có liên quan	96
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH	97
VII. PHỤ LỤC	97

PHỤ LỤC BẢNG BIỂU

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2022	7
Hình 2: Tốc độ tăng CPI của các năm giai đoạn 2016 – 2022 (%)	9
Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty	26
Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	28
Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	22
Bảng 2: Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty	31
Bảng 3: Ban Kiểm soát đương nhiệm của Công ty	31
Bảng 4: Ban Tổng Giám đốc đương nhiệm của Công ty	32
Bảng 5: Danh sách cổ đông lớn tại ngày 18/04/2023	37
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/04/2023	37
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2021-2022 và Quý I/2023	40
Bảng 8: Số dư các khoản vay và tiền gửi của Công ty	43
Bảng 9: Cơ cấu chi phí hoạt động giai đoạn 2021 – 2022 và Quý I/2023	44
Bảng 11: Các hợp đồng lớn Công ty đang được thực hiện hoặc đã được ký kết trong năm 2021-2022	49
Bảng 12: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh	50
Bảng 13: Tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng	52
Bảng 14: So sánh kết quả kinh doanh năm 2022 của các Công ty Chứng khoán có mức vốn điều lệ tương đương VFS	61
Bảng 15: Cơ cấu lao động của Công ty	63
Bảng 16: Tỷ lệ cổ tức 2021 - 2022	64
Bảng 17: Bảng thời gian khấu hao tài sản cố định	65
Bảng 18: Thu nhập bình quân năm 2021 và 2022	65
Bảng 19: Chi tiết các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	66
Bảng 20: Chi tiết các quỹ của Công ty	67
Bảng 21: Một số chỉ tiêu về các khoản phải thu	67
Bảng 22: Một số chỉ tiêu về các khoản phải trả	68
Bảng 23: Một số chỉ tiêu về các khoản nợ phải trả	69
Bảng 24: Chi tiết tài sản tài chính	70
Bảng 25: Chi tiết các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	72
Bảng 26: Thông tin điều chỉnh số dư đầu kỳ (năm 2021)	73
Bảng 27: Các hệ số tài chính	74
Bảng 28: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	75
Bảng 29: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/03/2023	88
Bảng 30: Dự kiến doanh thu và lợi nhuận	89
Bảng 31: Danh mục cổ đông hạn chế chuyển nhượng theo quy định với tổ chức đăng ký niêm yết	93
Bảng 32: Giá trị sổ sách của cổ phần VFS	95

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

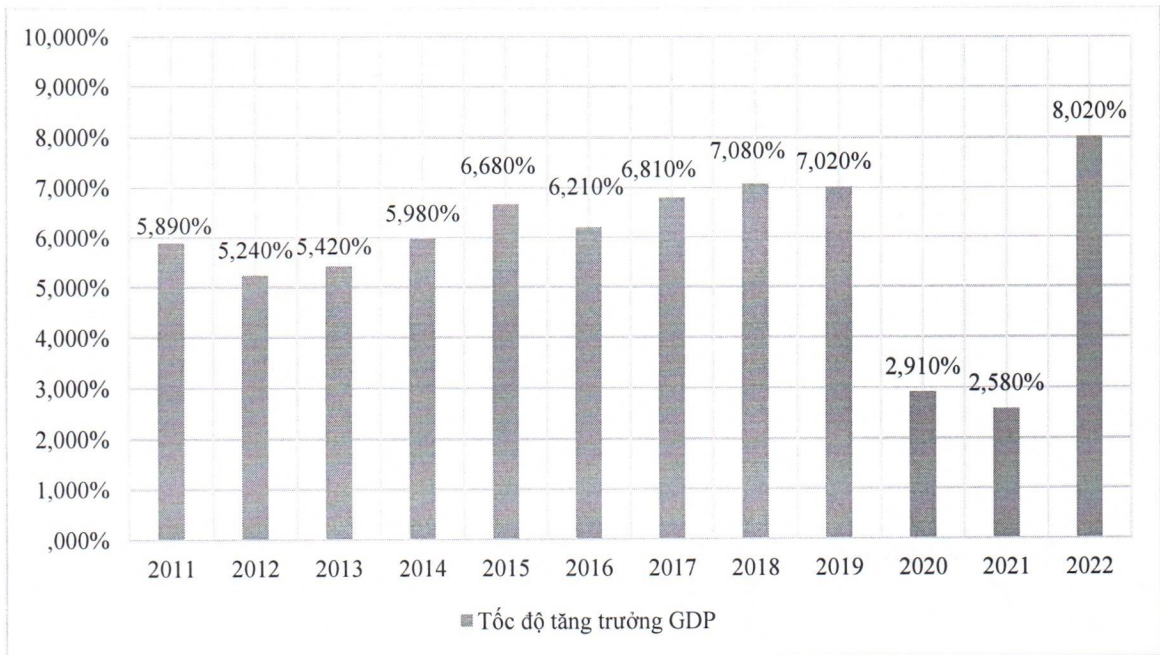
Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của mọi loại hình doanh nghiệp. Đối với các công ty chứng khoán thì ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô nhanh hơn và tác động mạnh hơn so với phần lớn các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề khác, bởi thị trường chứng khoán được ví như “phong vũ biểu” của nền kinh tế, là bộ phận quan trọng của kinh tế thị trường, với vai trò là một kênh huy động vốn quan trọng và hiệu quả của nền kinh tế, là một cửa sổ hội nhập, liên thông với các thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế. Thị trường chứng khoán ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động và hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán.

Là công ty chứng khoán nên hiệu quả hoạt động của VFS chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán. Các yếu tố rủi ro về nền kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của VFS có thể kể đến như rủi ro tăng trưởng kinh tế, rủi ro lạm phát và rủi ro về lãi suất. Nhận thức sâu sắc điều đó, Ban lãnh đạo VFS luôn chủ động cập nhật các biến động trên thị trường và đưa ra các phân tích, đánh giá cũng như các chính sách, quyết định để ứng phó với các tình huống có thể xảy ra.

❖ Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng khi phải đối mặt đối mặt với những thách thức lớn như lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm khôi phục và phát triển nền kinh tế, từ đó tình hình kinh tế nước ta khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực, nhiều ngành đã khôi phục mạnh mẽ với mức tăng trưởng cao. Theo Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2022



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) cũng đưa ra 02 kịch bản cho nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023. Ở kịch bản 1, tăng trưởng kinh tế năm 2023 có thể đạt mức 6,47%, xuất khẩu tăng 7,21% và thặng dư thương mại đạt 5,64 tỷ USD. Ở kịch bản này, lạm phát sẽ ở mức 4,08%. Ở kịch bản 2, CIEM dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2023 sẽ tích cực hơn lên mức 6,83%, xuất khẩu tăng 8,43% và thặng dư thương mại đạt 8,15 tỷ USD. Tuy nhiên, lạm phát sẽ được kiểm soát ở mức 3,69%.

Trong báo cáo Điểm lại tháng 3/2023, Ngân hàng Thế giới (WB) nhận định triển vọng của nền kinh tế Việt Nam vẫn thuận lợi. Trước những khó khăn trong nước và ngoài nước, GDP dự báo tăng trưởng 6,3% năm 2023. Mặc dù lĩnh vực du lịch tiếp tục phục hồi do du khách Trung Quốc dần quay lại với đóng góp khoảng 30% tổng lượt du khách đến Việt Nam trước đại dịch, tăng trưởng của khu vực dịch vụ sẽ chững lại do hiệu ứng xuất phát điểm thấp sau Covid-19 yếu đi. Nhu cầu trong nước có thể bị ảnh hưởng do lạm phát cao hơn dự kiến (bình quân 4,5%) trong năm 2023. Ngoài ra, Liên hợp quốc (UNDESA) cũng dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 đạt 6,3%, cao hơn mức trung bình 5 năm trước đại dịch (từ 2015 đến 2019), Triển vọng kinh tế trong ngắn hạn phải đối mặt với những rủi ro suy giảm đáng kể, bao gồm đại dịch kéo dài, nhu cầu bên ngoài suy yếu, căng thẳng tài chính gia tăng, lạm phát cao hơn và căng thẳng địa chính trị đang diễn ra. Khi tăng trưởng toàn cầu giảm tốc, nhu cầu bên ngoài yếu hơn sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất và đầu tư tại các nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu như Việt Nam. Đồng thời, tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc có thể yếu hơn dự kiến, có thể làm giảm nhu cầu đối với hàng hóa và hàng hóa trung gian trong và ngoài khu vực. Trong khi đó, Văn phòng Nghiên cứu kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) cho rằng tăng trưởng của các nền kinh tế ASEAN+3 giảm nhẹ trong khi hoạt động kinh tế ở ASEAN vẫn duy trì mạnh mẽ trong Quý IV/2022 và năm 2023. Theo đó, AMRO dự báo tăng trưởng năm 2023 của Việt Nam

đạt 6,8%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 10/2022.

Theo Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội quý I/2023 của Tổng cục Thống kê, kinh tế quý I/2023 vẫn duy trì mức tăng trưởng phù hợp trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới, tăng trưởng nhiều quốc gia suy thoái. Tốc độ tăng GDP quý I/2023 đạt 3,32% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng ổn định ở mức 2,52% so với cùng kỳ, đóng góp 8,85% vào mức tăng trưởng chung trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển, chăn nuôi phát triển ổn định; Khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 0,4%, làm giảm 4,76% do một số ngành công nghiệp chủ lực suy giảm trong bối cảnh chi phí đầu vào tăng cao, số lượng đơn đặt hàng giảm mạnh; Điểm sáng là khu vực dịch vụ tăng 6,79%, đóng góp 95,91% vào mức tăng trưởng GDP nhờ chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa, xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tới các nước trên thế giới khi dịch Covid-19 được kiểm soát đã phát huy hiệu quả. VFS cho rằng việc đưa tăng trưởng GDP trong cả năm 2023 đạt được mức kế hoạch 6,5% sẽ đối mặt với nhiều thách thức từ rủi ro suy thoái trên toàn cầu.

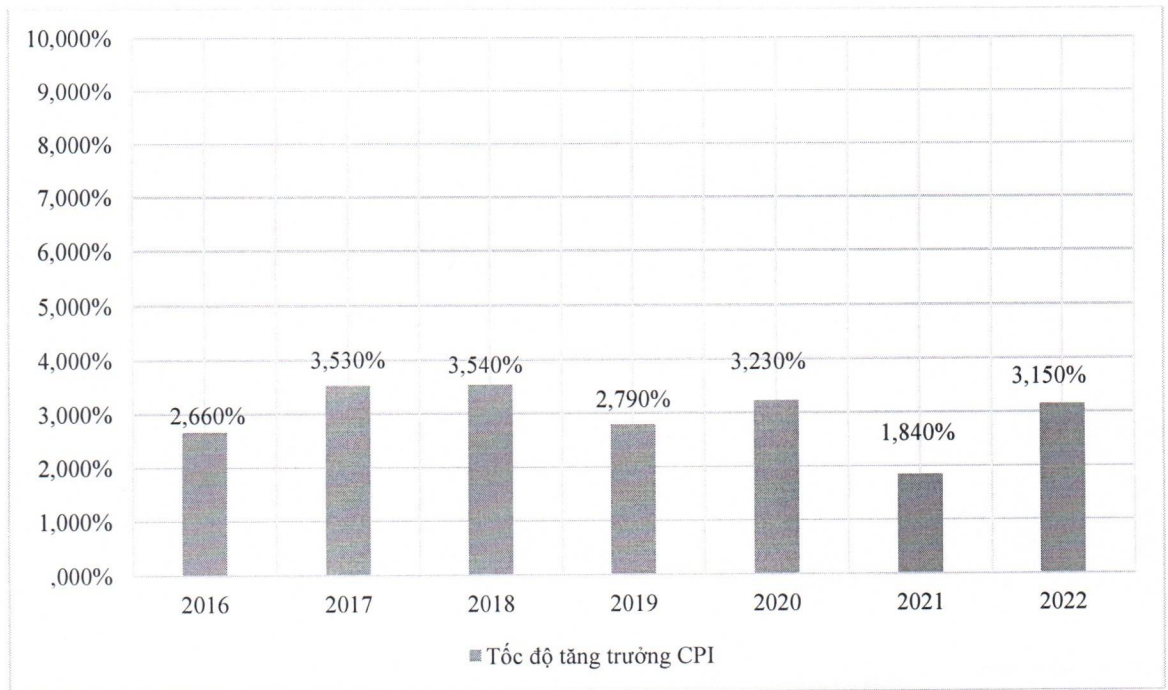
Năm 2023 sẽ là một năm có nhiều cơ hội cũng như những thách thức đối với VFS. Nền kinh tế phục hồi sẽ tạo ra công ăn việc làm cho người lao động cũng như thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam bao gồm VFS phát triển. Ở chiều ngược lại, khi các ngành nghề bị đình trệ do ảnh hưởng của dịch bệnh sẽ làm gián đoạn các hoạt động phát triển kinh tế cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán.

Đối mặt với các cơ hội cũng như thách thức trên, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng những kịch bản cụ thể, chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để ứng phó với từng hoàn cảnh biến động của nền kinh tế, đảm bảo mục tiêu vừa phát triển vừa phòng chống dịch hiệu quả.

❖ **Rủi ro Lạm phát**

Lạm phát là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến mọi mặt của đời sống người dân nói chung và tình hình tài chính của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng. Năm 2022, dưới sự quyết liệt của Chính phủ trong việc bảo đảm nguồn cung các mặt hàng lương thực, thực phẩm, kiểm soát đà tăng giá xăng dầu, chưa tăng giá điện, giá dịch vụ y tế, học phí... lạm phát đã được giữ ở mức dưới 4% như mục tiêu Quốc hội đề ra. Cụ thể, Số liệu được Tổng cục Thống kê công bố tại cuộc họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý 4 và năm 2022 vừa diễn ra cho thấy chỉ số giá tiêu dùng CPI (lạm phát) tháng 12/2022 tăng 4,55% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý 4/2022 tăng 4,41% so với cùng kỳ, tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021.

Hình 2: Tốc độ tăng CPI của các năm giai đoạn 2016 – 2022 (%)



(Nguồn : Tổng cục thống kê)

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2023 giảm 0,23% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng 3/2023 tăng 0,74% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,35%. Tính chung quý I năm 2023, CPI tăng 4,18% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 5,01%. Lạm phát cơ bản tháng 3 tăng 0,22% so với tháng trước, tăng 4,88% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý 1/2023, lạm phát cơ bản bình quân tăng 5,01% so với bình quân cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,18%). Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước quý I/2023 giảm 11,09% so với cùng kỳ năm trước là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Lạm phát trong năm 2023 vẫn sẽ khó dự báo do (1) Giá dầu biến động khó lường theo chính sách của OPEC+ và Nga; (2) Lộ trình tăng giá điện bán lẻ chưa được chính thức thông qua (3) Giá lương thực có thể tiếp tục tăng khi nguồn cung thế giới bất ổn trong khi giá thực phẩm có thể vẫn duy trì ở mức thấp.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, lạm phát cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của VFS. Lạm phát ở mức cao sẽ làm tăng các chi phí của doanh nghiệp như điện, xăng dầu, nước, văn phòng phẩm ... Ngoài ra, khi mức giá tiêu dùng tăng sẽ làm giảm lượng tiền đầu tư vào thị trường chứng khoán làm giảm phí giao dịch thu được của VFS đối với các giao dịch trên tài khoản.

Để ứng phó với rủi ro về lạm phát, Ban lãnh đạo VFS đã xây dựng một kế hoạch chi tiêu hợp lý cho doanh nghiệp, tiết giảm các chi phí hoạt động, đẩy mạnh thu hồi công nợ cũng như tìm kiếm các nguồn tài chính với mức chi phí hợp lý để đảm bảo hoạt động được xuyên suốt trong trường hợp lạm phát.

❖ Rủi ro Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất xảy ra khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay. Lạm phát thấp là cơ sở để Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ, khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng, đáp ứng nhu cầu trong hầu hết mọi lĩnh vực và kích thích tiêu dùng. Bên cạnh đó, khi lãi suất huy động và lãi suất cho vay đều giảm sẽ tạo điều kiện khuyến khích người tiêu dùng nhiều hơn, từ đó có tác động tích cực đến sản xuất và tăng trưởng.

Việc tăng lãi suất được sử dụng phổ biến như một công cụ mạnh trong kiểm soát lạm phát và để bảo vệ đồng bản tệ trước sự biến động nhanh chóng của các luồng vốn trên thị trường quốc tế và trước những thiếu hụt trong cán cân thanh toán quốc tế; đồng thời, kích thích hạn chế tiêu dùng, tăng tích trữ hàng hóa và vàng, làm tăng tiền gửi và sử dụng tiết kiệm các khoản vay, làm giảm cầu tín dụng, thu hẹp nhập khẩu. Mức lãi suất càng cao hơn mức lạm phát thì tác động tức thời của nó đến việc làm giảm mức lạm phát càng rõ rệt. Phù hợp với bối cảnh quốc tế và tình hình vĩ mô, lạm phát trong nước cũng như mục tiêu chính sách tiền tệ, lần đầu tiên trong 02 năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) chính thức nâng các mức lãi suất điều hành thêm từ 0,5 - 1 điểm phần trăm từ ngày 23/9/2022. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4%/năm lên 5%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 2,5%/năm lên 3,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với tổ chức tín dụng (TCTD) từ 5%/năm lên 6%/năm. Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VND) của tổ chức, cá nhân tại TCTD đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 01 tháng từ mức 0,2%/năm lên 0,5%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng từ 4%/năm lên 5%/năm, riêng lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND tại quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô từ 4,5%/năm lên 5,5%/năm; lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng trở lên do TCTD ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường.

Áp lực đồng USD hạ nhiệt khi lạm phát Mỹ bắt đầu giảm tốc và dự báo FED sẽ sớm dừng tăng lãi suất. Mặc dù bật tăng vào giữa tháng 4, nhưng tỷ giá trung tâm vẫn thấp hơn mức đỉnh 23.640 đồng vào tháng 2/2023 và mức đỉnh 23.700 đồng vào cuối tháng 10/2022.

Cuối tháng 3, NHNN có động thái giảm lãi suất điều hành lần thứ hai liên tiếp trong nửa tháng theo quyết định 575/QĐ-NHNN, Lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại có xu hướng giảm dần. Tuy vậy lãi suất liên ngân hàng xuất hiện diễn biến trái chiều, đột ngột bật tăng trở lại.

Xuất hiện dấu hiệu của giao dịch chênh lệch lãi suất vay VND khiến cho thị trường biến động mạnh. Tùy theo mức nghiêm trọng của biến động, NHNN có thể can thiệp để giảm mức hấp dẫn trong giao dịch đầu cơ chênh lệch lãi suất bằng (1) Điều chỉnh tăng lãi suất điều hành và (2) Hút ròng VND qua kênh cầm cố giấy tờ có giá (OMO). VFS đánh giá khả năng NHNN sẽ thường xuyên sử dụng công cụ OMO bơm hút ròng trong năm 2023, với mục tiêu tìm điểm

cân bằng cho thị trường tiền tệ sau giai đoạn nhiều biến động. Do đó, tỷ giá có thể sẽ đi ngang quanh mức 23.600, và lãi suất liên ngân hàng qua đêm có thể duy trì quanh mức 4%.

Tính từ đầu năm 2022, NHNN đã hút ròng hơn 72 nghìn tỷ VNĐ qua kênh tín phiếu và Repo (thỏa thuận mua lại). Tuần 2 tháng 4 xuất hiện lực mua USD bơm VNĐ ra thị trường, tuy vậy NHNN đã ngay lập tức quay đầu hút ròng sau đó để cân đối tỷ giá. Tính đến ngày 20/04/2023, lượng bơm hút ròng của NHNN trong 2023 gần như bằng 0. Nhìn chung, xu hướng hút ròng của NHNN đang chậm dần, xen kẽ là các đợt bơm ròng ra thị trường, nhưng vẫn chưa có dấu hiệu đảo chiều chính sách thắt chặt từ 2022. NHNN sẽ tập trung vào ổn định thị trường trong nước khi áp lực vĩ mô thế giới hạ nhiệt, tuy dư địa để nới lỏng chính sách có thể không còn nhiều. Cho đến cuối tháng 4/2023, NHNN vẫn sử dụng linh hoạt các công cụ OMO nhưng không thay đổi cung tiền trên thị trường, cho thấy quá trình cân đối dòng tiền vẫn đang tiếp diễn. Trong 2023 VFS kỳ vọng tốc độ tăng trưởng cung tiền sẽ tích cực hơn cùng kỳ nhờ (1) NHNN cần hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy nền kinh tế và (2) Lạm phát toàn cầu đang chậm lại và FED có thể sắp ngừng tăng lãi suất.

Khi lãi suất thay đổi, doanh thu và lợi nhuận của VFS sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp. Lãi suất thay đổi cũng làm ảnh hưởng đến dòng tiền trên thị trường, nhà đầu tư sẽ có xu hướng gửi tiết kiệm sinh lời thay vì đầu tư vào thị trường chứng khoán, qua đó ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu môi giới chứng khoán, doanh thu dịch vụ tài chính của VFS.

Với mô hình kinh doanh hiện nay của VFS, để hạn chế tác động của lãi suất lên hoạt động kinh doanh, VFS áp dụng nhiều biện pháp thông qua phân tích tình hình và dự báo, linh hoạt trong việc huy động vốn thay bằng các nguồn khác có chi phí vốn thấp hơn, đồng thời tăng cường huy động vốn cho sản xuất kinh doanh từ các cổ đông của Công ty qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ hoặc phát hành trái phiếu riêng lẻ; chủ động trong việc lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức giao dịch, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý, có thể cạnh tranh trên thị trường mà vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro pháp lý xảy ra trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo... từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động của Công ty. VFS hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện đang giao dịch trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam, bên cạnh đó mọi hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), Tổng cục thuế.... Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi về mặt chính sách nào xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng

đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác, rủi ro này cũng xuất hiện khi các công ty chứng khoán không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các giao dịch không được cho phép của pháp luật dẫn đến những tổn thất nặng nề và tổn hại uy tín của chính mình.

Hiện nay, Công ty đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nên đã thích nghi với những sự thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy chế, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ giúp hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động.

3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro về hoạt động cung cấp dịch vụ môi giới

Hoạt động môi giới là mảng kinh doanh được các công ty chứng khoán trên thị trường nói chung và VFS nói riêng tập trung nhiều công sức và nguồn lực. Đây là mảng hoạt động mang lại vị thế cho các công ty chứng khoán nên Ban lãnh đạo VFS luôn đặt ra mục tiêu đầy mạnh doanh thu và nằm trong top những công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn. Tuy nhiên, đi kèm với mục tiêu kinh doanh, VFS nhận thức đây cũng là mảng kinh doanh có một số rủi ro, như:

- Rủi ro đạo đức nghề nghiệp do các cá nhân vi phạm đạo đức trong hành nghề môi giới nhằm trục lợi, gây tổn thất cho khách hàng và công ty chứng khoán thông qua các hành vi gian dối, giả mạo, các giao dịch xung đột lợi ích nhằm mang lại nguồn lợi cho cá nhân.
- Rủi ro sai sót, nhầm lẫn khi thực hiện giao dịch của khách hàng có thể xảy ra với tần suất lớn do áp lực đặc thù của ngành nghề chứng khoán cần nhanh chóng và khối lượng giao dịch yêu cầu tập trung cao.
- Rủi ro hạ tầng thông tin không ổn định.

Để hạn chế và giảm thiểu tối đa các rủi ro trong hoạt động này, Công ty xây dựng hệ thống quy trình, quy định kiểm soát chặt chẽ, tất cả các nghiệp vụ đều tăng cường đưa công nghệ vào quản trị hoạt động để giảm thiểu yếu tố sai sót của con người; nhân sự thuộc hoạt động môi giới được tuyển chọn, khảo sát đánh giá và đào tạo thường xuyên để nâng cao trình độ và nhận thức rủi ro.

Mặt khác, công ty có hệ thống kiểm soát độc lập bao gồm quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, ban kiểm soát được duy trì hoạt động đánh giá độc lập, khách quan và liên tục lên các chương trình rà soát luân phiên nhằm phát hiện kịp thời và ngăn chặn các sự kiện rủi ro phát sinh gây thiệt hại cho công ty.

❖ Rủi ro về hoạt động tự doanh

Thị trường chứng khoán luôn biến động không ngừng theo những diễn biến của nền kinh tế. Biến động giá của các cổ phiếu là rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của VFS, ảnh hưởng đến kết quả hoạt của Công ty mà chủ yếu là hoạt động tự doanh chứng khoán. Tuy nhiên, đối với VFS, rủi ro này được hạn chế với một danh mục đầu tư được đa dạng hóa, được quản

lý bởi Ban lãnh đạo và đội ngũ chuyên viên nhiều kinh nghiệm và có tầm nhìn chiến lược về xu hướng thị trường. Do vậy, hoạt động tự doanh của VFS đã và đang là hoạt động đóng góp đáng kể vào doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm vừa qua.

❖ **Rủi ro cho vay giao dịch ký quỹ**

Không chỉ riêng ở VFS mà hầu hết các Công ty chứng khoán đang hoạt động trên thị trường, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động mang lại nguồn thu lớn nhưng cũng chứa nhiều rủi ro cho Công ty. Rủi ro phát sinh khi:

- Công ty chứng khoán không thu hồi được hoặc không thu hồi được hết các khoản cho vay và lãi cho vay do đối tác không thực hiện được hoặc mất khả năng hoàn trả.
- Thị trường không có thanh khoản trong khi khách hàng không tuân thủ hoặc chối bỏ trách nhiệm nộp tiền trả nợ khiến các công ty chứng khoán phải chấp nhận khoản lỗ lớn, thậm chí không có khả năng thu hồi khi nắm giữ cổ phiếu có thị giá thấp hơn giá gốc để thu hồi vốn và đảm bảo cho hoạt động luân chuyển vốn của công ty không bị tác nghẽn.
- Một bộ phận nhỏ khách hàng giả mạo, chối bỏ trách nhiệm và nghĩa vụ tài chính, phá vỡ các cam kết đã ký kết với công ty chứng khoán. VFS đã thực hiện thẩm định khách hàng một cách cẩn thận và kỹ lưỡng để đảm bảo thấp nhất rủi ro này có thể xảy ra.

VFS đã xây dựng một bộ máy quản trị để giảm thiểu rủi ro tài chính cho cả Công ty và khách hàng. Bộ máy quản trị rủi ro đứng đầu là Tổng Giám đốc, Bộ phận quản trị rủi ro, bộ phận Kiểm soát nội bộ. Rủi ro tín dụng đối với nghiệp vụ ký quỹ được quản trị một cách chặt chẽ, có hệ thống bằng phần mềm giao dịch đối với tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của từng khách hàng và tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ đối với một tổ chức niêm yết.

Các hạn mức Công ty đặt ra đảm bảo tính tuân thủ theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của UBCKNN và các quy định pháp luật có liên quan về giao dịch ký quỹ cũng như tạo điều kiện giao dịch thuận lợi cho khách hàng. Tuy nhiên, Công ty cũng xác định rủi ro chính cần quản trị cho hoạt động cho vay ký quỹ là rủi ro từng khoản vay và rủi ro thị trường. Do vậy, đối với mỗi tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng, Công ty luôn thực hiện giám sát chặt chẽ, gửi thông báo đến từng khách hàng để nhắc nhở thực hiện nghĩa vụ đối với VFS và trích lập dự phòng.

❖ **Rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường**

Các chứng khoán VFS nắm giữ bị ảnh hưởng bởi tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, lựa chọn danh mục đầu tư, phân cấp thẩm quyền xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư,... điều này đã giúp VFS kiểm soát được rủi ro về giá cũng như tính thanh khoản thị trường đối với chứng khoán tự doanh.

VFS cũng chịu rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường đối với các khoản cho nhà đầu tư vay giao dịch ký quỹ. Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản

vay liên tục giảm giá có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền gốc, lãi vay của VFS. Nếu thị trường không đủ thanh khoản hoặc mã chứng khoán đó không đủ thanh khoản thì VFS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền gốc và lãi vay. Vì vậy, VFS đã xây dựng quy định quản lý rủi ro riêng cho các giao dịch ký quỹ, có các cán bộ chuyên trách để lựa chọn xây dựng, quản lý Danh mục các mã chứng khoán ký quỹ, xác định tỷ lệ cho vay hợp lý cho mỗi mã chứng khoán. Ngoài ra VFS đã xây dựng phần mềm quản lý, thực hiện việc cảnh báo, xử lý tự động trong các giao dịch ký quỹ giúp VFS thực hiện quản lý rủi ro hiệu quả và đảm bảo an toàn cho VFS.

❖ **Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán là rủi ro khi một hay một số khách hàng hoặc đối tác không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ, đúng hạn như cam kết. Để hạn chế tối đa các ảnh hưởng và thiệt hại của rủi ro thanh toán đối với hoạt động và hiệu quả hoạt động của công ty, VFS thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện phân cấp thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một Khách hàng theo Quy định Quản lý rủi ro hoạt động hỗ trợ vốn cho khách hàng của VFS nhằm đảm bảo an toàn cho VFS dựa trên việc cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.
- Hợp đồng giao dịch ký quỹ của VFS phải quy định rõ ràng các điều khoản để thực hiện việc bán thanh lý. Khi giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay giao dịch ký quỹ xuống đến một mức nhất định hoặc đến thời điểm đáo hạn hợp đồng giao dịch ký quỹ thì VFS phải thực hiện việc bán thanh lý tài sản đảm bảo để đảm bảo việc thu hồi vốn vay, lãi vay, các loại phí (nếu có) của VFS.
- Sử dụng phần mềm để quản lý trạng thái các giao dịch ký quỹ, thực hiện cảnh báo và lệnh xử lý bán tự động trong các giao dịch ký quỹ giúp VFS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho VFS.

❖ **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không đảm bảo đủ tiền để thực hiện các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. VFS luôn thực hiện việc quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa tài sản đến hạn và công nợ đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của VFS là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

❖ **Rủi ro nguồn nhân lực**

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên TTCK luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố sống còn với các công ty chứng khoán. Khi TTCK tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài

chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại khi TTCK sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ồ ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân sự trầm trọng. Tuy nhiên xác định con người là sức mạnh cốt lõi, VFS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa VFS. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, chú trọng đầu tư đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện VFS đã và đang tạo ra được sự ổn định về mặt nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao. Hiện nay VFS đang có đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm. Sự ổn định về nguồn nhân lực chính là sức mạnh để VFS được thực hiện mục tiêu đã đề ra, xác lập được vị thế của công ty trên thị trường.

4. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã đề ra các phương án phòng ngừa giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho các tài sản như máy móc, thiết bị... và bảo hiểm con người và lắp đặt các hệ thống cứu hỏa tại văn phòng trụ sở và chi nhánh đồng thời tuyên truyền phòng cháy chữa cháy và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Thế Anh	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Văn Dương	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Anh Thắng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thùy Dung	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- **“Công ty”**: Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- **“Bản cáo bạch”**: Tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc niêm yết chứng khoán của Công ty
- **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- **“Cổ phiếu”**: Loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty.
- **“Cổ đông”**: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
- **“Điều lệ Công ty”**: Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- **“Đại hội đồng cổ đông”**: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- **“Hội đồng quản trị”**: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- **“Ban kiểm soát”**: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- **“Ban Tổng Giám đốc”**: Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
- **“Tổ chức niêm yết”**: Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- **“Tổ chức kiểm toán”**: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ TTCK	: Thị trường chứng khoán
▪ UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
▪ VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
▪ NHNN	: Ngân hàng nhà nước Việt Nam
▪ SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
▪ CHXHCN	: Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa
▪ CTCP	: Công ty cổ phần
▪ Công ty/VFS	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
▪ ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
▪ HĐQT	: Hội đồng quản trị
▪ BKS	: Ban kiểm soát
▪ TGD	: Tổng Giám đốc
▪ BTGD	: Ban Tổng Giám đốc
▪ CBNV	: Cán bộ nhân viên
▪ BCTC	: Báo cáo tài chính
▪ TSCĐ	: Tài sản cố định
▪ TSLĐ	: Tài sản lưu động
▪ VCSH	: Vốn chủ sở hữu
▪ HDKD	: Hoạt động kinh doanh
▪ DT	: Doanh thu
▪ TSTC	: Tài sản tài chính
▪ DTT	: Doanh thu thuần
▪ Thuế TNDN	: Thuế Thu nhập doanh nghiệp
▪ Thuế TNCN	: Thuế Thu nhập cá nhân
▪ Thuế GTGT	: Thuế Giá trị gia tăng
▪ LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
▪ LNST	: Lợi nhuận sau thuế
▪ GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội


- **CPI** : Chỉ số giá tiêu dùng
- **Giấy CNĐKDN** : Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- **Số CMND** : Số chứng minh nhân dân
- **VĐL** : Vốn điều lệ
- **CP** : Cổ phiếu
- **CD** : Cổ đông
- **ĐVT** : Đơn vị tính
- **VND** : Đồng Việt Nam
- **USD** : Đồng Đô la Mỹ

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Quá trình hình thành phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT**
- Tên tiếng Anh : VIET FIRST SECURITIES CORPORATION
- Tên viết tắt : VFS

- Logo của Công ty : 
- Địa chỉ trụ sở : Lầu 1, Số 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 6255 6586 Fax: 028 6255 6580
- Website : <https://www.vfs.com.vn/>
- Người đại diện PL : Ông Trần Anh Thắng – Tổng Giám đốc
- Giấy phép TL&HĐ : Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/UBCK- GP do UBCKNN cấp ngày 13/10/2008. Giấy phép điều chỉnh số 101/GPĐC-UBCK ngày 05/11/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy CNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306081775 cấp lần đầu ngày 13/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01/07/2022
- Vốn điều lệ đăng ký : 802.500.000.000 (Tám trăm lẻ hai tỷ năm trăm triệu) đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 802.500.000.000 (Tám trăm lẻ hai tỷ năm trăm triệu) đồng
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 29/04/2020
- Mã cổ phiếu : VFS
- Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy phép Thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 100/UBCK-GP ngày 13/10/2008 của Chủ tịch UBCKNN cấp, Giấy phép điều chỉnh số 101/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 05/11//2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306081775 cấp lần đầu ngày 13/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01/07/2022 ngành nghề kinh doanh của VFS bao gồm:
 - o Môi giới chứng khoán
 - o Tư vấn đầu tư chứng khoán
 - o TỰ doanh chứng khoán
 - o Bảo lãnh phát hành chứng khoán

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (VFS) chính thức được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 100/UBCK- GP do UBCKNN cấp ngày 13/10/2008, Giấy phép điều chỉnh

số 101/GPĐC-UBCK ngày 05/11/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với các nghiệp vụ bao gồm: Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Lưu ký chứng khoán và Bảo lãnh phát hành chứng khoán. Trải qua gần 15 năm hoạt động và phát triển, với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu và có chất lượng dịch vụ tốt tại Việt Nam, Ban lãnh đạo cũng như toàn thể nhân viên VFS đã không ngừng nỗ lực phấn đấu từng bước xây dựng Công ty. Từ một công ty chứng khoán với quy mô vốn ban đầu chỉ có 135 tỷ đồng, VFS đã thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư và tăng mức vốn điều lệ lên 802,5 tỷ đồng. Cùng với thế mạnh về đội ngũ nhân viên năng động và nhiệt tình, được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán, VFS luôn nỗ lực cung cấp những dịch vụ, giải pháp tài chính tốt nhất cho khách hàng và trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy với mỗi thành công của khách hàng.

Các mốc lịch sử hình thành phát triển của Công ty:

- Tháng 10/2008, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 135 tỷ đồng. Trụ sở chính đặt tại Số 1 đường Phạm Việt Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh.
- Tháng 11/2008, Công ty trở thành thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy Chứng nhận số 99/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp lần đầu ngày 13/11/2008.
- Tháng 03/2009, Công ty được Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại SGDC TP. HCM và TTGDCK Hà Nội theo Quyết định số 94/QĐ-SGDHCM ngày 09/03/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 89/QĐ-TTGDHN ngày 09/03/2009 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Tháng 01/2014, Công ty trở thành thành viên giao dịch thị trường đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-SGDHN ngày 22/01/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Tháng 9/2017, VFS thành lập Chi nhánh Hà Nội tại Lầu 9B, Tòa nhà Sentinel Place (nay là Leadvisors Place), 41A Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội. Chi nhánh được thực hiện nghiệp vụ kinh doanh Môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán theo quyết định số 865/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/09/2017.
- Tháng 10/2018, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng để bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty đã được chấp thuận theo Giấy phép Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 89/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/10/2018.
- Tháng 11/2018, Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ Lầu 1, số 117-119-121 Nguyễn

Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh để thuận tiện hơn trong việc giao dịch với các đối tác và nhà đầu tư theo Giấy phép Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 99/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21/11/2018.

- Tháng 10/2019, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 410 tỷ đồng để bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty đã được chấp thuận theo Giấy phép Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 60/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 15/10/2019.
- Ngày 29/04/2020, Công ty nhận được Công văn số 2985/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hoàn thiện đầy đủ hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.
- Ngày 25/05/2020, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 36/2020/GCNCP-VSD với số lượng chứng khoán đăng ký lần đầu là 41.000.000 cổ phiếu.
- Ngày 19/06/2020, Công ty nhận được Quyết định số 273/QĐ-SGDHN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là VFS. Theo đó, ngày 01/07/2020 là ngày giao dịch đầu tiên với 41 triệu cổ phiếu VFS chào sàn với mức giá tham chiếu là 10.300 đồng/cổ phiếu.
- Ngày 03/03/2021 Công ty nhận Giấy chấp thuận thành viên đăng ký giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Tháng 11/2021, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 410 tỷ đồng lên 802,5 tỷ đồng để bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty đã được chấp thuận theo Giấy phép Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 101/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 05/11/2021.
- Tháng 04/2022, Công ty trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ-SGDVN ngày 29/04/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
- Tháng 07/2022, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN số 0306081775 cấp lần đầu ngày 13/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01/07/2022.

1.3 Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào tháng 10/2008. Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện ba đợt tăng vốn điều lệ, chi tiết các lần tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Lần	Thời gian	VĐL tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp phép
Lần đầu	Tháng 10/2008		135.000	Góp vốn thành lập Công ty	- Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/UBCK- GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 13/10/2008.
Lần 1	Tháng 09/2018	65.000	200.000	Phát hành riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ/VFS-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2018. - Công văn số 6115/UBCK-QLKD ngày 13/09/2018 về việc hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt. - Công văn số 6542/UBCK-QLKD ngày 24/09/2018 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của CTCK Chứng khoán Nhất Việt. - Giấy phép Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 89/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/10/2018.
Lần 2	Tháng 09/2019	210.000	410.000	Phát hành riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ/VFS-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2019. - Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2019/NQ -HĐQT ngày 27/05/2019. - Công văn số 3720/UBCK-QLKD ngày 18/06/2019 về việc hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt. - Công văn số 5612/UBCK-QLKD ngày 17/09/2019 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của CTCK Nhất Việt.

					- Giấy phép Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 60/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 15/10/2019.
Lần 3	Tháng 10/2021	392.500	802.500	Phát hành riêng lẻ, phát hành cho cổ đông hiện hữu.	<p>- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ -ĐHĐCĐ ngày 03/04/2021 kèm tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT-VFS và phương án phát hành đính kèm.</p> <p>- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 05/2021/NQ/VFS-HĐQT ngày 11/05/2021.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 129/GCN-UBCK ngày 06/08/2021.</p> <p>- Công văn số 4403/UBCK-QLKD ngày 06/08/2021 về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty CPCK Nhất Việt.</p> <p>- Công văn số 5975/UBCK-QLKD ngày 06/10/2021 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của CTCK Chứng khoán Nhất Việt.</p> <p>- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 101/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 05/11/2021.</p>

Chi tiết về các đợt tăng vốn của Công ty như sau:

❖ **Tăng vốn lần 1**

- Căn cứ pháp lý:

+ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ/VFS-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2018.

+ Công văn số 6115/UBCK-QLKD ngày 13/09/2018 về việc hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

+ Công văn số 6542/UBCK-QLKD ngày 24/09/2018 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của CTCK Chứng khoán Nhất Việt.

+ Giấy phép Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 89/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/10/2018..

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 135.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 200.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 6.500.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị vốn tăng thêm: 65.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 18 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 23 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Tình hình sử dụng vốn sau khi phát hành:

STT	Nội dung sử dụng	Số tiền (VNĐ)	Thời gian giải ngân
1	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán	52.000.000.000	Tháng 09/2018 –
2	Bổ sung vốn lưu động thanh toán bù trừ - Cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán	13.000.000.000	Tháng 10/2018
Tổng cộng		65.000.000.000	

❖ Tăng vốn lần 2

- Căn cứ pháp lý:
 - + Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ/VFS-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2019.
 - + Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2019/NQ -HĐQT ngày 27/05/2019.
 - + Công văn số 3720/UBCK-QLKD ngày 18/06/2019 về việc hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
 - + Công văn số 5612/UBCK-QLKD ngày 17/09/2019 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của CTCK Nhất Việt.
 - + Giấy phép Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 60/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 15/10/2019.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 200.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 410.000.000.000 đồng

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 21.000.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị vốn tăng thêm: 210.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 18 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 29 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Tình hình sử dụng vốn sau khi phát hành:

STT	Nội dung sử dụng	Số tiền (VNĐ)	Thời gian giải ngân
1	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán	130.000.000.000	Tháng 09/2019 –
2	Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ	80.000.000.000	Tháng 03/2020
Tổng cộng		210.000.000.000	

❖ Tăng vốn lần 3

- Căn cứ pháp lý:
 - + Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ -ĐHĐCĐ ngày 03/04/2021 kèm tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT-VFS và phương án phát hành đính kèm.
 - + Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 05/2021/NQ/VFS-HĐQT ngày 11/05/2021.
 - + Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 129/GCN-UBCK ngày 06/08/2021.
 - + Công văn số 4403/UBCK-QLKD ngày 06/08/2021 về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty CPCK Nhất Việt.
 - + Công văn số 5975/UBCK-QLKD ngày 06/10/2021 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của CTCK Chứng khoán Nhất Việt.
 - + Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 101/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 05/11/2021.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 410.000.000.000 đồng

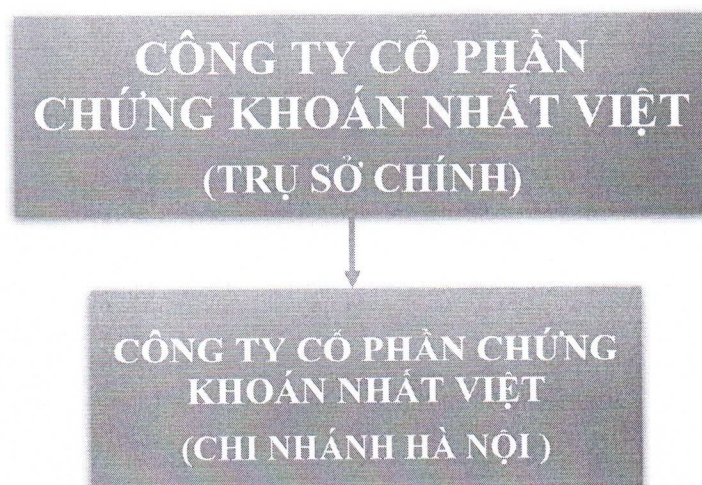
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 802.500.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 39.250.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị vốn tăng thêm: 392.500.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ, phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- Mục đích phát hành: Tăng vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán và hoạt động cho vay ký quỹ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 724 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 724 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Tình hình sử dụng vốn sau khi phát hành:

STT	Nội dung sử dụng	Số tiền (VNĐ)	Thời gian giải ngân
1	Tăng vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán	292.500.000.000	Tháng 10/2021 – Tháng 05/2022
2	Tăng vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ	100.000.000.000	
Tổng cộng		392.500.000.000	

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt hoạt động gồm trụ sở chính và 01 chi nhánh tại Hà Nội.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Trụ sở chính:

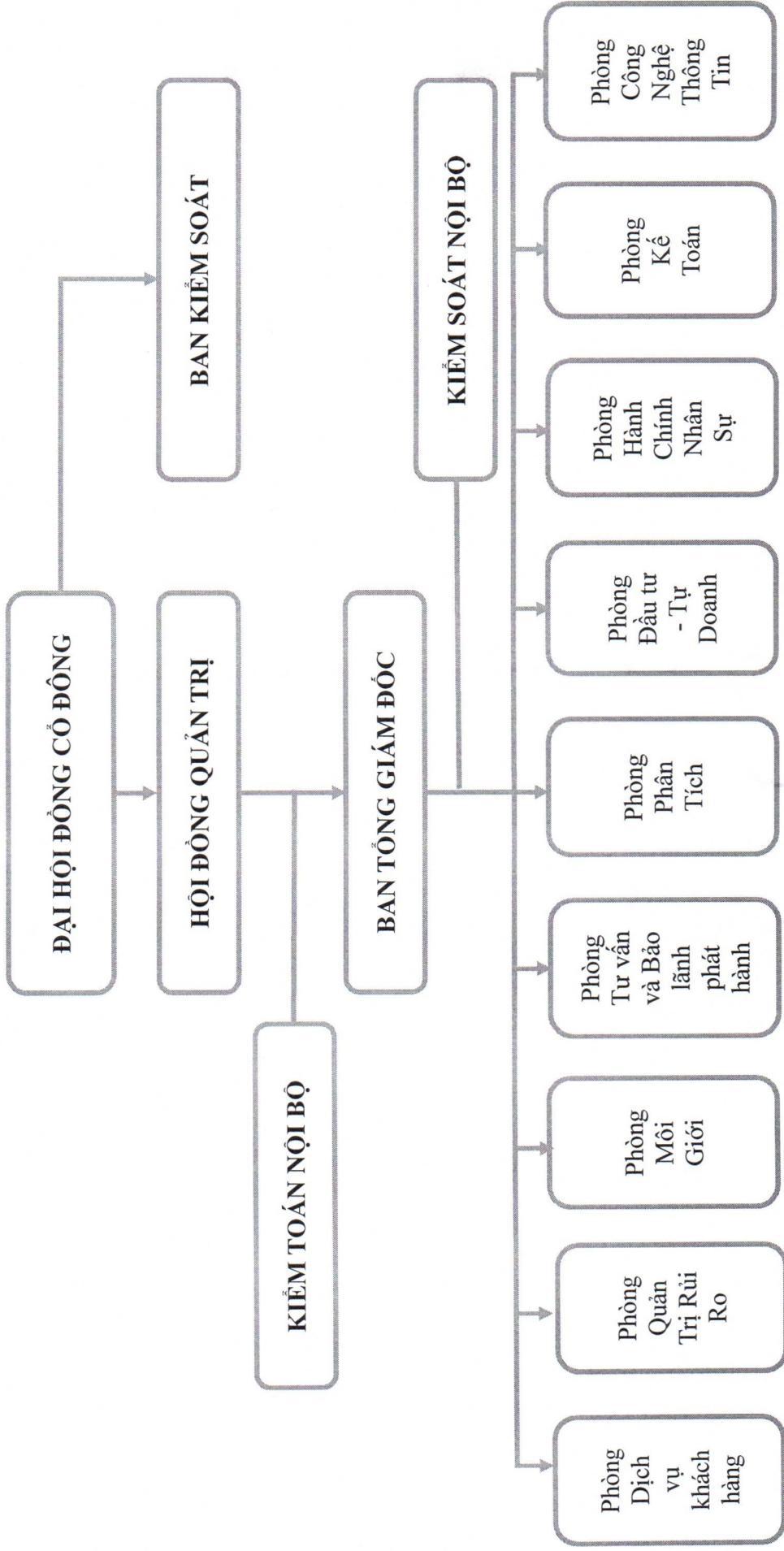
- Địa chỉ: Lầu 1, Số 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận I, TP. Hồ Chí Minh;
- Điện thoại: 028 6255 6586;
- Fax: 028 6255 6580;
- Email: customercare@vfs.com.vn;
- Website: <https://www.vfs.com.vn/>.

Chi nhánh:

- Tên: Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt – Chi nhánh Hà Nội;
- Địa chỉ: Tầng 5, Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam;
- Số điện thoại: 024 39288 222;
- Fax: 024 39338 222.

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

Diễn giải:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ chính như sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- Quyết định thành lập Chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện; Thành lập công ty con của Công ty;
- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý công ty và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty;
- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho Mục đích này;
- Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);
- Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với Điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty

Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty gồm có 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị như sau:

Bảng 2: Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty

TT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch HĐQT
2.	Trần Anh Thắng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
3.	Trịnh Thị Lan	Thành viên HĐQT
4.	Nguyễn Tài Vinh	Thành viên HĐQT
5.	Tạ Hải Hà	Thành viên HĐQT độc lập

- **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra và thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát đương nhiệm của Công ty gồm 03 thành viên. Cơ cấu của Ban kiểm soát như sau:

Bảng 3: Ban Kiểm soát đương nhiệm của Công ty

TT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Trần Văn Dương	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Ông Hoàng Minh Thắng	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Ông Trương Văn Tiến	Thành viên Ban kiểm soát

- **Ban Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình. Các Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Kế toán trưởng chịu sự quản lý của Tổng Giám đốc và trực tiếp chịu trách nhiệm mảng chính là mảng Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đương nhiệm của Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc như sau:

Bảng 4: Ban Tổng Giám đốc đương nhiệm của Công ty

TT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Trần Anh Thắng	Tổng Giám đốc
2.	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc
3.	Bà Trịnh Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc

- **Phòng Kiểm toán nội bộ** là bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị, thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ chính của Kiểm toán nội bộ như sau:
 - Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
 - Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - Thực hiện kiểm toán nội bộ công ty;
 - Chức năng, nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định;
- **Phòng Kiểm soát nội bộ** là bộ phận trực thuộc Ban Tổng Giám đốc có chức năng:
 - Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
 - Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong

nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Tách biệt tài sản của khách hàng;
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Ban Tổng Giám đốc giao.

- **Phòng Dịch vụ khách hàng:**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động và phát triển của Phòng Dịch vụ khách hàng tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt và chi nhánh;
- Mở và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư. Xây dựng, kiểm soát, cải tiến quy trình, biểu mẫu cần thiết cho hoạt động quản lý tài khoản chứng khoán của khách hàng;
- Đầu mối tiếp nhận, trả lời các thắc mắc, yêu cầu về dịch vụ của khách hàng;
- Phối hợp với các phòng ban liên quan thực hiện các hoạt động phát triển và chăm sóc khách hàng;
- Thực hiện các hoạt động lưu ký và quản lý cổ đông, liên hệ với VSD để thực hiện các nghiệp vụ có liên quan;
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

- **Phòng Quản trị rủi ro:** Trên cơ sở chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt, bộ phận rủi ro có nhiệm vụ:

- Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc phát hiện, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
- Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
- Báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về việc tuân thủ các quy định của Pháp luật của Công ty về quản trị rủi ro tại các bộ phận, đơn vị của công ty;
- Xem xét các quy định, quy trình đang được áp dụng để đảm bảo việc phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro theo các quy định về quản trị rủi ro của Pháp luật và của công ty. Đưa ra các báo cáo, khuyến nghị cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về việc sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình đáp ứng

- yêu cầu quản trị rủi ro;
- Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro;
 - Tham gia khắc phục rủi ro khi xảy ra rủi ro;
 - Theo dõi tình hình thị trường, cập nhật các chính sách, các văn bản pháp luật để kịp thời nhận diện các rủi ro mới có thể xảy ra và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro tại công ty;
 - Đề xuất các quy định, quy trình, biện pháp quản trị rủi ro khi xây dựng, triển khai các sản phẩm mới, dịch vụ mới;
 - Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.
- **Phòng Môi giới** có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán; triển khai thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, ...
- Xây dựng kế hoạch hoạt động và phát triển của phòng môi giới chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt và chi nhánh;
 - Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư các giao dịch chứng khoán cho Nhà đầu tư. Xây dựng, kiểm soát, cải tiến quy trình, chính sách, biểu mẫu cần thiết cho các hoạt động: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ, quản lý khách hàng,...
 - Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tài chính thực hiện các dịch vụ tài chính hỗ trợ giao dịch chứng khoán như cầm cố chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ khác;
 - Khai thác và phát triển mạng lưới khách hàng;
 - Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.
- **Phòng Kế toán**
- Tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác xây dựng kế hoạch tài chính và các công việc liên quan đến kế toán tài chính của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và quy định về chế độ kế toán tài chính của Công ty;
 - Thực hiện lập kế hoạch, phân tích tài chính và quản lý cân đối nguồn vốn của Công ty;
 - Kế toán, thống kê, phản ánh đầu đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, liên tục, có hệ thống các hoạt động tài chính, vật tư, tiền vốn và lao động của Công ty theo đúng chế độ quy định của Nhà nước;
 - Chỉ đạo tổ chức và hướng dẫn, kiểm tra các bộ phận kế toán tài chính ở trụ sở chính và các chi nhánh hoạt động theo chế độ hiện hành;
 - Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê tài chính, vật tư, đánh giá đúng đắn và kịp thời

các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các bộ phận cho các cơ quan chức năng quản lý của Công ty, lãnh đạo công ty, và các phòng ban;

- Điều phối chính xác và kịp thời các hoạt động tài chính của Công ty và các bộ phận để phục vụ kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty và các bộ phận;
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

- ***Phòng Phân tích***

- Xây dựng kế hoạch hoạt động và phát triển của Phòng Phân tích tại Công ty;
- Xây dựng, kiểm soát, cải tiến quy trình, biểu mẫu cần thiết cho các nghiệp vụ phân tích tài chính, định giá doanh nghiệp, dự báo tài chính, rà soát đặc biệt....
- Thực hiện phân tích vĩ mô, phân tích ngành, phân tích doanh nghiệp, phân tích đối thủ cạnh tranh, đề xuất cơ hội đầu tư cổ phiếu cho Phòng Tự doanh.
- Cung cấp sản phẩm về kế hoạch tài chính, kế hoạch dòng tiền của doanh nghiệp cho đối tác bên ngoài hoặc khách hàng của Phòng Tư vấn và Bảo lãnh phát hành;
- Xây dựng các bản tin chứng khoán của Công ty hàng ngày và/hoặc định kỳ;
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

- ***Phòng Đầu tư - Tự doanh***

- Đề xuất, triển khai thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty: Xây dựng hạn mức, cơ cấu danh mục đầu tư tự doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
- Theo dõi quản lý danh mục đầu tư của Công ty;
- Thực hiện các phương án kinh doanh đã được phê duyệt;
- Báo cáo và thống kê hiệu quả hoạt động đầu tư cho Ban Tổng Giám đốc;
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

- ***Phòng Tư vấn và Bảo lãnh phát hành***

- Xây dựng kế hoạch hoạt động và phát triển của Phòng Tư vấn và Bảo lãnh phát hành tại Công ty;
- Xây dựng, kiểm soát, cải tiến quy trình, biểu mẫu cần thiết cho các nghiệp vụ tư vấn cổ phần hóa; tư vấn bảo lãnh phát hành; tư vấn niêm yết, tư vấn thẩm định dự án đầu tư; tư vấn chào bán chứng khoán, tư vấn tái cấu trúc vốn...cho các doanh nghiệp;
- Thực hiện tiếp thị, tìm kiếm và chăm sóc khách hàng để cung cấp và thực hiện các dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp cho khách hàng trên cơ sở các quy chế, quy trình nghiệp vụ của Công ty và pháp luật như tư vấn cổ phần hóa, tư vấn đăng ký đại

chúng, tư vấn niềm yết, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn tái cấu trúc...

- Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban liên quan trong công tác phát triển khách hàng và thực hiện các dự án tư vấn;
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

- **Phòng Công nghệ thông tin**

- Xây dựng quy trình hoạt động, quy chế làm việc của Phòng Công nghệ thông tin tại Công ty;
- Mua sắm, quản lý, khai thác, sử dụng, vận hành các thiết bị công nghệ thông tin của Công ty, đảm bảo cho các hoạt động giao dịch hằng ngày của Công ty;
- Tổ chức vận hành, quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của hệ thống Công nghệ thông tin;
- Chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động về công nghệ theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

- **Phòng Hành chính nhân sự**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động và phát triển của Phòng hành chính nhân sự tại Công ty;
- Tư vấn và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các hoạt động: hoạch định nhân sự, xây dựng chính sách đãi ngộ; xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức, ...
- Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ tuyển dụng, quản lý nhân sự, tính toán lương và các khoản trích theo lương, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Công ty;
- Đại diện giải quyết các vấn đề về quan hệ lao động giữa VFS với người lao động, với các tổ chức liên quan;
- Có chức năng lễ tân, văn thư lưu trữ, mua sắm, xây dựng, phân phát, quản lý, theo dõi tài sản, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ của Công ty.
- Ngoài ra, Phòng thực hiện các nhiệm vụ tuyển dụng, quản lý nhân sự, tính toán lương và các khoản trích theo lương, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông.**

❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty**

Bảng 5: Danh sách cổ đông lớn tại ngày 18/04/2023

TT	Họ và tên	CCCD/ĐKKD	Quốc tịch	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1.	Trần Anh Thắng		Việt Nam	8.613.000	10,733%
2.	Công ty Cổ phần Amber Capital Holdings		Việt Nam	8.800.000	10,966%
Tổng cộng				17.413.000	21,698%

Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD cung cấp tại ngày 18/04/2023 của VFS

❖ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực)**

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định về cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập: “*Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó*”, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/UBCK-GP ngày 13/10/2008, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN số 0306081775 cấp lần đầu ngày 13/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01/07/2022. Do vậy, sau ngày 13/10/2011, tất cả các cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

❖ **Cơ cấu cổ đông**

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/04/2023

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1.	Cổ đông trong nước	350	80.250.000	802.500.000.000	100%
	- Cá nhân	346	67.015.700	670.157.000.000	83,51%
	- Tổ chức	4	13.234.300	132.343.000.000	16,49%
2.	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
	- Cá nhân	0	0	0	0%

- Tổ chức, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0	0%
Tổng cộng	350	80.250.000	802.500.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD cung cấp tại ngày 18/04/2023 của VFS

- Cổ phiếu ưu đãi: Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.
 - Các loại chứng khoán khác: Không có
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức niêm yết, những Công ty mà Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.
- Công ty mẹ: Không có.
 - Công ty con: Không có.
 - Công ty liên kết: Không có.
6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

❖ Giới thiệu về dịch vụ và các hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Hoạt động Môi giới và dịch vụ chứng khoán: Hoạt động Môi giới và dịch vụ của VFS đã và đang được các đối tác khách hàng trong nước quan tâm và gắn bó trong thời gian qua bởi chất lượng dịch vụ vượt trội và đem lại hiệu quả tối đa cho nhà đầu tư thông qua:
 - Đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp: Với đội ngũ chuyên viên môi giới giàu kinh nghiệm được đào tạo bài bản, khả năng nhạy bén và bám sát tình hình diễn biến thị trường, nghiêm túc tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, luôn nhiệt tình và tận tâm với Khách hàng, các chuyên viên sẽ tư vấn, hỗ trợ và thực hiện các hoạt động giao dịch hiệu quả nhất cho Khách hàng.
 - Công nghệ vượt trội: VFS là một trong những công ty dẫn đầu trong việc đầu tư và nâng cấp trang thiết bị công nghệ hiện đại. Hỗ trợ xử lý tối đa lệnh đặt của khách hàng trong cùng một thời điểm.
 - Bảo mật tối ưu: VFS luôn thực hiện nghiêm ngặt các quy trình quản trị rủi ro trong từng hoạt động của công ty, hạn chế thấp nhất các rủi ro và luôn duy trì được hoạt động ổn định. Mọi thông tin về khách hàng luôn được Công ty bảo mật tuyệt đối, việc truy cập thông tin của khách hàng được phân quyền chặt chẽ cho nhân sự được chỉ định, tránh rò rỉ thông tin của nhà đầu tư.
 - Khách hàng: khách hàng của VFS là các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài.

- o Một số hoạt động Môi giới và dịch vụ chứng khoán VFS đang cung cấp như: Môi giới giao dịch cổ phiếu; Hỗ trợ giao dịch chứng khoán; Giao dịch ký quỹ; Quản lý, lưu ký cổ phiếu, trái phiếu...

- Hoạt động Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành: với tiềm lực tài chính được hỗ trợ từ các cổ đông là các doanh nghiệp lớn, công ty đầu tư, ... VFS đã xây dựng được mạng lưới quan hệ sâu rộng với một số các Bộ, ngành, các Tập đoàn trong nước và nhiều doanh nghiệp có quy mô tại Việt Nam. Một số hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp VFS đang cung cấp như: Tư vấn cổ phần hóa; Tư vấn phát hành cổ phiếu; Tư vấn niêm yết; Tư vấn quản trị và quan hệ nhà đầu tư; Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp; Tư vấn đại lý phát hành Trái phiếu,...

Giai đoạn 2017 – 2022 hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của VFS đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, nổi bật là mảng tư vấn IPO, phát hành, niêm yết chứng khoán và các nghiệp vụ khác liên quan đến thị trường vốn. Với đội ngũ chuyên gia tư vấn giàu kinh nghiệm, VFS đã triển khai thành công nhiều thương vụ tư vấn cho các Tập đoàn, Tổng Công ty lớn như: Tư vấn chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Thượng; Tư vấn niêm yết cổ phiếu cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực; Tư vấn niêm yết cổ phiếu cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực; Tư vấn thoái vốn cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam; Tư vấn chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam; Tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam; Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hải Phòng, Công ty Cổ phần Cảng Đoạn xá, Công ty Cổ phần Gạch Khang Minh Đối với nghiệp vụ thị trường nợ, VFS cũng là đơn vị tư vấn, đại lý phát hành và lưu ký một số Trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín và đã hoàn tất việc trả nợ gốc lãi trái phiếu đầy đủ và đúng hạn cho các nhà đầu tư như: Tổng Công ty Điện lực TKV; Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Công Vĩnh Phúc; Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại An Thịnh Quế Sơn, Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế Đầu tư sản xuất, Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD, Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Song Giang, ...

- Hoạt động Nghiên cứu phân tích: Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, theo dõi tình hình kinh tế trong và ngoài nước từ đó đưa ra những nhận định và đánh giá về thị trường chứng khoán và giá chứng khoán dựa trên phân tích cơ bản. Bộ phận Phân tích VFS đã sử dụng các thông tin đáng tin cậy và mô hình tài chính trong phân tích cơ bản để xây dựng những báo cáo phân tích chuyên sâu và đưa ra những dự báo tăng trưởng và giá trị hợp lý của doanh nghiệp bằng các phương pháp định giá thích hợp. Hiện nay Công ty đang đưa ra các sản phẩm báo cáo phân tích bao gồm: Báo cáo phân tích hàng ngày; Báo cáo phân tích cổ phiếu và Báo cáo phân tích ngành.

- Hoạt động Tư doanh chứng khoán: Đây là nghiệp vụ mua, bán chứng khoán cho bản thân Công ty chứng khoán dựa trên sự phân tích tình hình thị trường cũng như chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán. Danh mục chứng khoán đầu tư được xây dựng phù hợp với năng lực tài chính của Công ty và tình hình thị trường, trên cơ sở kế hoạch, chiến lược của Công ty ở từng

giai đoạn phát triển được Đại hội cổ đông thông qua. VFS có một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán đã đưa ra các báo cáo phân tích tổng quan và chi tiết nhằm xây dựng danh mục đầu tư của Công ty. Đặc biệt, nhờ kế hoạch quản trị danh mục đầu tư hiệu quả đã đóng góp nguồn doanh thu không nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022.

❖ **Giá trị doanh thu qua các năm**

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2021-2022 và Quý I/2023

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021		Năm 2022		Tăng trưởng		Quý I/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ trọng %
I. Doanh thu hoạt động tự doanh	72.462	53,46	85.013	49,83	12.550	17,32	73.535	75,26
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	62.767	46,31	73.164	42,88	10.397	16,56	73.535	75,26
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>9.118</i>	<i>6,73</i>	<i>8.504</i>	<i>4,98</i>	<i>-615</i>	<i>-6,74</i>	<i>70.403</i>	<i>72,06</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	<i>53.633</i>	<i>39,57</i>	<i>63.655</i>	<i>37,31</i>	<i>10.022</i>	<i>18,69</i>	<i>3.132</i>	<i>3,21</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>15</i>	<i>0,01</i>	<i>1.005</i>	<i>0,59</i>	<i>990</i>	<i>6.600</i>	<i>0</i>	<i>0,00</i>
2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	9.696	7,15	11.849	6,94	2.153	22,21	0	0,00
II. Doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn	35.682	26,33	52.842	30,97	17.160	48,09	10.584	10,83
1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	10.921	8,06	16.089	9,43	5.618	47,32	1.524	1,56

2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.761	18,27	36.753	21,54	11.992	48,43	9.060	9,27
III. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	17.282	12,75	25.726	15,08	8.444	48,86	12.218	12,50
IV. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	6.021	4,44	2.847	1,67	-3.174	-52,72	275	0,28
1. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	3.922	2,89	1.972	1,16	-1.950	-49,72	120	0,12
2. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.099	1,55	875	0,51	-1.224	-58,31	155	0,16
V. Doanh thu từ các hoạt động khác	4.092	3,02	4.151	2,43	59	1,44	1.094	1,12
1. Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán	3.358	2,48	2.570	1,51	-788	-23,47	796	0,81
2. Doanh thu Nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	645	0,48	1.576	0,92	931	144,34	297	0,30
3. Thu nhập hoạt động khác	89	0,07	5	0,003	-84	-94,38	0,56	0,0006
VI. Thu nhập khác	0	0	41	0,02	41	0	0	0
Tổng cộng	135.540	100	170.620	100	35.080	25,88	97.706	100

Nguồn: VFS tổng hợp theo BCTC kiểm toán năm 2022 và BCTC tự lập Quý I/2023 của VFS

Trong năm 2022, các hoạt động mang lại doanh thu chính cho Công ty tập trung vào mảng tự doanh (49,83%), kinh doanh nguồn vốn (30,97%), môi giới chứng khoán (15,08%). Hoạt động tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, nghiệp vụ lưu ký chứng khoán chiếm tỷ lệ nhỏ khoảng 4%. Nhìn chung, các mảng kinh doanh của VFS có sự tăng trưởng trong năm 2022 giúp tổng doanh thu của Công ty đạt mức 170,62 tỷ đồng, tăng 25,88% so với năm 2021. Trong Quý I năm 2023 Tổng doanh thu đạt 97,71 tỷ đồng tăng 404,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu hoạt động tự doanh năm 2022 chiếm tỷ trọng lớn nhất (49,83% tổng doanh thu) đạt 84 tỷ đồng tăng 17,32% so với năm 2021. Doanh từ đầu tư các tài sản tài chính FVPTL (cổ phiếu và trái phiếu) đạt 73,16 tỷ đồng, gồm doanh thu thực hiện là (i) Lãi khi Công ty bán các chứng khoán trong danh mục tự doanh đạt 8,5 tỷ đồng, chiếm 10% doanh thu hoạt động tự doanh (lãi bán cổ phiếu 1,8 tỷ đồng và lãi bán trái phiếu 6,7 tỷ đồng); (ii) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính đạt 1 tỷ đồng, chiếm 1,2% doanh thu hoạt động tự doanh và doanh thu chưa thực hiện là (iii) Lãi danh mục cổ phiếu nắm giữ được thực hiện đánh giá lại cuối kỳ là 63,65 tỷ đồng chiếm 74,88% doanh thu hoạt động tự doanh. Lãi danh mục cổ phiếu nắm giữ thực hiện đánh giá tăng cuối năm 2022 chủ yếu đến từ 02 mã chứng khoán TSJ (lãi 58,14 tỷ đồng) và HHC (lãi 5,48 tỷ đồng). Bên cạnh đó, doanh thu từ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp là thu nhập lãi trái phiếu đạt 11,85 tỷ đồng, chiếm 13,94% doanh thu hoạt động tự doanh.

Trong Quý I năm 2023, doanh thu hoạt động tự doanh đạt 73,5 tỷ đồng, tăng 5.492% so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu do Công ty bán các chứng khoán trong danh mục tự doanh thu được khoản lãi thực hiện đạt 70,4 tỷ đồng (gồm 67,75 tỷ đồng từ cổ phiếu và 2,65 tỷ đồng từ trái phiếu) và Lãi chưa thực hiện là khoản Lãi do danh mục cổ phiếu nắm giữ được thực hiện đánh giá lại tại ngày 31/3/2023 đạt 3,13 tỷ đồng. Trong Quý khi nhận định thị trường không thuận lợi, Công ty đã thực hiện bán gần hết Cổ phiếu trong danh mục tự doanh của Công ty ghi nhận khoản lãi 67,7 tỷ đồng, trong đó chủ yếu đến từ việc bán cổ phiếu TSJ (lãi 61,7 tỷ đồng) và EVF (lãi 4,9 tỷ đồng).

- Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu doanh thu của Công ty là Hoạt động kinh doanh nguồn vốn gồm hoạt động cho vay ký quỹ (ứng trước tiền bán/cấp hạn mức margin) và tiền gửi, năm 2022 mang lại doanh thu là 52,84 tỷ đồng, (chiếm tỷ trọng 31% tổng doanh thu), tăng 48,1% so với năm 2021. Trong đó, hoạt động cho vay ký quỹ ghi nhận doanh thu 36,75 tỷ đồng, tăng 48,43% so với năm 2021 và hoạt động tiền gửi ghi nhận doanh thu 16,09 tỷ đồng, tăng 47,32% so với năm 2021.

- Doanh thu Hoạt động kinh doanh nguồn vốn của Công ty năm 2022 tăng mạnh so với năm 2021 nguyên nhân do Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 400 tỷ đồng lên 802,5 tỷ đồng vào cuối năm 2021, tăng nguồn vốn cho các nghiệp vụ margin, ứng trước và tiền gửi trong năm 2022. Ngoài ra, để thúc đẩy việc kinh doanh nguồn vốn, Công ty đã đưa ra thị trường các gói sản phẩm linh hoạt lãi suất, giảm phí giao dịch và các ưu đãi khác tùy từng thời điểm cho các đối tượng khách hàng khác nhau nhằm thu hút việc mở mới tài khoản và gia tăng giá trị giao dịch của các nhà đầu tư tại Công ty nhờ đó kết quả hoạt động kinh doanh nguồn vốn có sự tăng trưởng rõ rệt trong năm 2022. Đồng thời, để bảo toàn nguồn vốn và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động cho vay, Công ty đã thiết lập bộ phận quản trị rủi ro phối hợp chặt chẽ với bộ phận phân tích để dự báo xu thế thị trường, đánh giá chi tiết từng mã cổ phiếu về tính thanh khoản thị trường, tiềm năng doanh nghiệp, ... và nhu cầu của khách hàng, qua đó xác định tỷ lệ cho vay để đảm bảo tính cạnh tranh so với thị trường nhưng vẫn an toàn và hiệu quả, do đó Số dư các

khoản cho vay (cho vay margin, ứng trước tiền bán) của Công ty được tăng giảm linh hoạt theo từng thời điểm khác nhau trong năm. Bên cạnh hoạt động ký quỹ, Công ty cân đối linh hoạt nguồn tiền khi chưa thực hiện giải ngân cho khách hàng bằng các hợp đồng tiền gửi với các kỳ hạn linh hoạt.

Trong Quý I năm 2023, doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn mang lại doanh thu là 10,58 tỷ đồng, (chiếm tỷ trọng 10,83% tổng doanh thu), tăng 4,51% so với cùng kỳ năm 2022. Cũng trong Quý I năm 2023, đánh giá thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro, Công ty thu hẹp hoạt động cho vay, khối lượng tiền vay của khách hàng trong kỳ giảm đi, do đó Lãi từ các khoản cho vay và phải thu thu Quý 1 năm 2023 chỉ đạt 9 tỷ đồng, giảm 5,56% so với cùng kỳ năm 2022, cùng với đó lượng tiền gửi tăng lên, dẫn đến doanh thu từ hoạt động tiền gửi đạt 1,56 tỷ đồng trong Quý I năm 2023, tăng 185,4% so với cùng kỳ năm trước.

Số dư các khoản vay và số dư tiền gửi của Công ty vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

Bảng 8: Số dư các khoản vay và tiền gửi của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Các khoản cho vay	321.778	282.017	300.159
Số dư tiền gửi Ngân hàng	200.737	396.845	674.593

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và BCTC tự lập Quý I/2023 của VFS

- Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán đến từ phí giao dịch, trong năm 2022 đạt 25,72 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 15,08% tổng doanh thu) tăng 48,86% so với năm 2021 nhờ khối lượng giao dịch và Giá trị giao dịch đều tăng do Công ty mở rộng mạng lưới môi giới để đón làn sóng các nhà đầu tư trong nước mở mới tài khoản tham gia thị trường và có các gói sản phẩm mới linh hoạt cho các đối tượng khách hàng khác nhau thu hút nhà đầu tư giao dịch nhiều hơn. Cụ thể, trong năm 2022, số lượng tài khoản chứng khoán mở tại Công ty tăng gấp 1,5 lần so với năm 2021 và Giá trị giao dịch của nhà đầu tư trong kỳ tăng 33,4% so với năm 2021. Quý I năm 2023, Công ty ghi nhận mức doanh thu từ hoạt động môi giới là 12,2 tỷ đồng tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Giá trị giao dịch của nhà đầu tư tăng 45,87% so với cùng kỳ năm 2021.

- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán năm 2022 đạt 2,85 tỷ đồng, giảm 52,72% so với năm 2021. Hoạt động tư vấn tài chính của Công ty chủ yếu là tư vấn phát hành cổ phiếu, tư vấn niêm yết, ... đây là hoạt động chính và cũng là những hoạt động định hướng của Công ty trong thời gian tới. Do năm 2022 thị trường chứng khoán có nhiều biến động, việc huy động vốn từ thị trường chứng khoán được đánh giá là không khả thi, dẫn đến nhu cầu tư vấn các nghiệp vụ trên thị trường chứng khoán của các doanh nghiệp giảm.

Trong Quý I năm 2023, doanh thu hoạt động này đạt 275 triệu đồng.

- Ngoài ra, doanh thu từ các hoạt động khác như hoạt động lưu ký chứng khoán (là phí Công ty thực hiện thu trên tài khoản khách hàng thực hiện lưu ký cổ phiếu hoặc trái phiếu theo quy định của VSD và biểu phí của Công ty tại từng thời kỳ) và tư vấn đầu tư chứng khoán (là phí Công ty thực hiện tư vấn, quản lý tài khoản của các nhà đầu tư). Doanh thu từ các hoạt động này không đáng kể trong tổng doanh thu Công ty.

❖ **Cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty**

Bảng 9: Cơ cấu chi phí hoạt động giai đoạn 2021 – 2022 và Quý I/2023

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021		Năm 2022		Tăng trưởng		Quý I/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ trọng %
A. Chi phí hoạt động	23.020	62,23	73.122	79,55	50.102	217,65	84.457	94,38
I. Chi phí hoạt động tự doanh	4.391	11,87	51.655	56,19	47.264	1076,38	77.655	86,78
1. Lỗi các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	3.803	10,28	50.680	55,13	46.877	1232,63	77.284	86,36
Lỗi bán các tài sản tài chính FVTPL	2	0,01	3.238	3,52	3.236	161800	590	0,66
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	3.524	9,53	46.765	50,87	43.241	1227,04	76.366	85,34
Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	277	0,75	677	0,74	400	144,40	328	0,37
2. Chi phí hoạt động tự doanh	588	1,59	975	1,06	387	65,82	371	0,41
II. Chi phí hoạt động kinh doanh vốn	2.825	7,64	1.859	2,02	-966	-34,19	269	0,30
1. Chi phí tài chính	4.422	11,95	551	0,60	-3.871	-87,54	269	0,30

<i>Chi phí lãi vay</i>	4.422	11,95	551	0,60	-3.871	-87,54	269	0,30
2. Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	-1.597	-4,32	1.308	1,42	2.905	-181,90	0	0,00
III. Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	10.786	29,16	13.370	14,54	2.584	23,96	5.059	5,65
IV. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.773	7,50	3.101	3,37	328	11,83	560	0,63
1. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2.773	7,50	3.101	3,37	328	11,83	560	0,63
2. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	0	0,00	0	0,00	0	-	0	0,00
V. Chi phí từ các hoạt động khác	2.245	6,07	3.137	3,41	892	39,73	914	1,02
1. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	0	0,00	0	0,00	0	-	0	0,00
2. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	2.245	6,07	3.137	3,41	892	39,73	914	1,02
B. Chi phí quản lý	13.970	37,77	18.801	20,45	4.831	34,58	5.032	5,62
Tổng cộng	36.990	100	91.923	100	54.933	148,51	89.489	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và BCTC tự lập Quý I/2023 của VFS

Do tính chất chuyên biệt là một công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán, cơ cấu chi phí của VFS bao gồm hai loại chi phí chủ yếu là chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tổng chi phí năm 2022 của Công ty là 91,92 tỷ đồng, tăng 148,5% so với năm 2021, chủ yếu do sự tăng trưởng mở rộng trong hoạt động kinh doanh. Trong Quý I năm 2023, Tổng chi phí là 89,5 tỷ đồng, tăng gấp 7 so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý Công ty năm 2022 là 18,8 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 20,45% tổng chi phí), tăng 34,58% so với năm 2021. Chi phí quản lý tăng do Công ty tăng quy mô, mở rộng hoạt động nên chi phí lương, dịch vụ thuê ngoài (thuê văn phòng,) tăng theo.

Trong Quý I/2023, Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty là hơn 5 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 5,62% tổng chi phí), tăng 10,86% so với cùng kỳ năm trước.

➤ **Chi phí hoạt động**

Chi phí hoạt động của Công ty bao gồm các chi phí: Chi phí hoạt động tự doanh, Chi phí hoạt động kinh doanh vốn, Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán, Chi phí hoạt động tư vấn tài chính, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán và Chi phí từ các hoạt động khác. Năm 2022, Chi phí hoạt động của Công ty là 73,12 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 79,55% tổng chi phí), tăng 217,65% so với năm 2021, đây là chi phí biến đổi tăng/giảm tương ứng với các hoạt động tạo ra doanh thu của Công ty.

- Chi phí hoạt động tự doanh của Công ty gồm có: Chi phí đã thực hiện là chi phí phát sinh khi Công ty bán lỗ các cổ phiếu, trái phiếu trong danh mục tự doanh và Chi phí chưa thực hiện là đánh giá giảm đối với danh mục nắm giữ vào thời điểm cuối kỳ. Năm 2022, chi phí hoạt động tự doanh là 51,65 tỷ đồng, chiếm 70,64% tổng chi phí hoạt động, bao gồm các chi phí: (i) Lỗ khi Công ty thực hiện bán cổ phiếu và trái phiếu là 3,2 tỷ đồng, chiếm 6,27 % tổng chi phí hoạt động tự doanh; (ii) Chi phí giao dịch và chi phí nhân sự phục vụ hoạt động tự doanh khoảng 1,65 tỷ đồng, chiếm 3,2 % tổng chi phí hoạt động tự doanh và chi phí chưa thực hiện: (iii) Lỗ do danh mục cổ phiếu nắm giữ được thực hiện đánh giá lại tại thời điểm cuối kỳ là 46,76 tỷ đồng, chiếm 90,53 % tổng chi phí hoạt động tự doanh, chủ yếu đến từ việc đánh giá lại giá trị cổ phiếu EVF (43,61 tỷ đồng) do giá cổ phiếu EVF giảm so với thời điểm đầu kỳ.

- Đối với hoạt động kinh doanh nguồn vốn của Công ty chi phí không đáng kể do hầu hết nguồn vốn kinh doanh của Công ty là nguồn vốn chủ sở hữu.

- Đối với hoạt động môi giới chứng khoán Chi phí năm 2022 là 13,37 tỷ đồng (chiếm 18,28% tổng chi phí hoạt động), tăng 23,96% so với năm 2021, nguyên nhân là do chính sách môi giới của Công ty được chi trả cho nhân viên/cộng tác viên theo giá trị giao dịch nên Công ty tăng quy mô và giá trị giao tăng thì chi phí tăng theo.

- Đối với hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, Chi phí chủ yếu gồm lương nhân viên và chi phí xúc tiến ký kết hợp đồng tư vấn. Chi phí năm 2022 là 3,1 tỷ đồng (chiếm 4,24% tổng chi phí hoạt động), tăng 11,83% so với năm 2021.

- Các hoạt động khác, chi phí lưu ký chứng khoán (gồm chi phí nhân viên và phí lưu ký trả VND) năm 2022 là 3,1 tỷ đồng, chiếm 4,29% tổng chi phí hoạt động

Quý I năm 2023, chi phí hoạt động là 84,457 tỷ đồng, chiếm 94,38% tổng chi phí, tăng 1.429,52% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Chi phí hoạt động tự doanh Quý I năm 2023 là 77,65 tỷ đồng, chiếm 91,95% tổng chi

phí hoạt động, tăng 12.864,11% so với cùng kỳ năm trước, gồm các chi phí đã thực hiện: (i) Lỗ khi Công ty thực hiện bán cổ phiếu là 0,59 tỷ đồng; (ii) Chi phí giao dịch và chi phí nhân sự phục vụ hoạt động tự doanh khoảng 0,7 tỷ đồng, và chi phí chưa thực hiện: (iii) Lỗ do danh mục cổ phiếu nắm giữ được thực hiện đánh giá lại tại thời điểm cuối kỳ là 76,37 tỷ đồng, chiếm 98,34% tổng chi phí hoạt động tự doanh, chủ yếu do Công ty đã bán cổ phiếu trong danh mục đầu tư và thực hiện hoàn nhập các chênh lệch TSTC FVTPL đã đánh giá thời điểm đầu kỳ (cổ phiếu EVF 16,27 tỷ đồng, cổ phiếu TSJ 60,1 tỷ đồng).

- Chi phí môi giới chứng khoán là 5,1 tỷ đồng (chiếm 5,99% tổng chi phí hoạt động), tăng 31,35% so với cùng kỳ. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp là 560 triệu đồng và chi phí hoạt động khác và chi phí lưu ký chứng khoán trong Quý I năm 2023 là 914 triệu đồng. Các chi phí này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu chi phí của Công ty.

6.2 Thị trường hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và có chi nhánh tại Hà Nội. Toàn bộ Công ty và chi nhánh đều thuộc lãnh thổ Việt Nam và phục vụ chủ yếu khách hàng trong nước.

Với lợi thế đã trải qua gần 15 năm hoạt động và phát triển, Công ty đã xây dựng được một mạng lưới các khách hàng rộng lớn trên phạm vi toàn quốc. Các khách hàng tổ chức của Công ty bao gồm các quỹ đầu tư, các ngân hàng, công ty tài chính cũng như một số doanh nghiệp lớn có tham gia tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh các khách hàng tổ chức, Công ty còn thu hút đông đảo khách hàng cá nhân tham gia trên thị trường chứng khoán. Tính đến cuối năm 2022, Công ty đã quản lý gần 10.000 tài khoản chứng khoán của khách hàng.

6.3 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Chính sách nghiên cứu và phát triển bao gồm những nguyên tắc chỉ đạo, quy tắc, phương pháp, thủ tục được thiết lập gắn với hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm hỗ trợ và thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu đã xác định, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt. Nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc này, VFS đã xây dựng các chính sách nghiên cứu và phát triển hệ thống sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng; cập nhật các ứng dụng công nghệ hiện đại trong việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính đáp ứng các nhu cầu ngày càng khắt khe của các Nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

6.4 Trình độ công nghệ

Trong giai đoạn vừa qua, Công ty đã tập trung đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin nhằm duy trì, gia tăng tính ổn định, an toàn, bảo mật và nhanh chóng cho hệ thống giao dịch để khách hàng yên tâm giao dịch. Đây là những giá trị tiện ích mà Công ty đem đến cho nhà đầu tư với phương châm cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp nhất đến khách hàng. Bên cạnh đó, Hệ thống an ninh bảo mật của Công ty bao gồm nhiều lớp, đồng bộ, ứng dụng các công nghệ bảo mật bằng

thiết bị phần cứng và phần mềm hàng đầu đảm bảo độ an toàn tối đa cho tài khoản của khách hàng mở tại công ty.

Năm 2020, Công ty đã chính thức đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm giao dịch và quản lý chứng khoán VGAI - là hệ thống phần mềm chứng khoán được Liên doanh Okasan Information System (OIS) đến từ Nhật Bản và Công ty Cổ phần Công nghệ tin học và Dịch vụ Goline, Việt Nam xây dựng. Đây là phần mềm giao dịch chứng khoán được phát triển phù hợp với các nghiệp vụ, hệ thống sản phẩm, quy trình hoạt động và pháp lý tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Hệ thống VGAI được xây dựng trên hệ thống công nghệ hiện đại với tốc độ xử lý nhanh, quản trị rủi ro tốt và tính mở của hệ thống rất cao.

Với mục tiêu phát triển dài hạn và tăng trưởng về quy mô, đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng, Công ty sẽ tiếp tục chú trọng đầu tư và triển khai hệ thống công nghệ thông tin một cách toàn diện và đồng bộ. Đồng thời, tiếp tục hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng, nâng cao tỷ lệ nhà đầu tư sử dụng dịch vụ giao dịch trực tuyến và giao dịch qua điện thoại tại Công ty để tiết kiệm được cán bộ phục vụ và các chi phí khác, tăng hiệu quả cho bộ phận môi giới và dịch vụ chứng khoán.

6.5 Hoạt động marketing

Xác định được tầm quan trọng của hoạt động marketing, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt đã đẩy mạnh việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu VFS qua nhiều hoạt động như sau:

- Lập kế hoạch truyền thông chi tiết cho từng năm, quý, tháng, đảm bảo bám sát vào chiến lược phát triển và mục tiêu kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn.
- Thực hiện quảng bá hình ảnh và hoạt động Công ty thông qua hình thức công bố và đăng tải thông tin có liên quan đến Công ty trên báo chí, truyền thông, tổ chức các sự kiện, hội nghị khách hàng.
- Thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với các cơ quan truyền thông báo chí nhằm truyền thông kịp thời về các hoạt động của VFS cho nhà đầu tư và công chúng được biết.

6.6 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo của VFS:



Tầm nhìn: VFS hướng đến mục tiêu trở thành một thương hiệu lớn trong lĩnh vực môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, là lựa chọn hàng đầu của những nhà đầu tư năng động tại Việt Nam và trong khu vực.

Sứ mệnh: VFS quyết tâm trở thành một trong 10 công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ cao nhất tại Việt Nam. Sứ mệnh của chúng tôi là cung cấp sự tiện lợi và tự tin cao nhất cho khách hàng với tinh thần phục vụ đích thực, chất lượng dịch vụ vượt trội, sự am hiểu thị trường sâu sắc và sự chuyên nghiệp trong từng chi tiết. Thành công của VFS được thể hiện thông qua sự phát triển bền vững của Công ty, môi trường làm việc năng động đối với nhân viên, sự minh bạch và lợi nhuận hấp dẫn cho cổ đông.

6.7 Các hợp đồng, khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 11: Các hợp đồng lớn Công ty đang được thực hiện hoặc đã được ký kết trong năm 2021-2022

TT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng (VND)	Nội dung hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với Người quản lý
1.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Song Giang	220.000.000	Tư vấn, đại lý phát hành và lưu ký trái phiếu	2021	Không
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Thượng	120.000.000	Tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng	2021	Không
3.	Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	120.000.000	Tư vấn chào bán thêm chứng khoán ra công chúng	2021	Không
4.	Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam	1.600.000.000	Tư vấn chào bán thêm chứng khoán ra công chúng và bảo lãnh phát hành	2021	Không
5.	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	295.000.000	Tư vấn, đại lý phát hành, đại lý lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ	2022	Không
6.	Công ty Cổ phần City Auto	325.000.000	Tư vấn, đại lý phát hành, đại lý lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ	2022	Không

7.	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	400.000.000	Tư vấn niêm yết cổ phiếu	2021	Không
8.	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	240.000.000	Tư vấn chuyển nhượng quyền mua cổ phần của DNNN	2022	Không
9.	Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam	150.000.000	Tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ	2022	Không
10.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tường Viên	650.000.000	Tư vấn đăng ký công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu	2022	Không
11.	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	450.000.000	Tư vấn chào bán thêm chứng khoán ra công chúng và phát hành cổ phiếu ESOP	2023	Không
12.	Công ty Cổ phần Helio Energy	300.000.000	Tư vấn đăng ký giao dịch cổ phiếu	2023	Không

Nguồn: VFS

Trong những năm vừa qua, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng về tư vấn phát hành và niêm yết chứng khoán, Đối với hoạt động tư vấn, Công ty luôn tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

7. Kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Bảng 12: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ Tiêu	31/12/2021	31/12/2022	So sánh 2022-2021		Quý I/2023
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Tổng giá trị tài sản	952.840	1.017.956	65.116	6,83	1.021.750
Vốn chủ sở hữu	928.284	989.727	61.443	6,62	996.276

Doanh thu hoạt động	124.619	154.491	29.872	23,97	96.181
Doanh thu hoạt động tài chính	10.921	16.089	5.168	47,32	1.524
Kết quả hoạt động	98.549	78.655	-19.894	- 20,19	8.216
Kết quả hoạt động khác	0	41	41	100	0
Lợi nhuận trước thuế (*)	98.549	78.696	-19.853	- 20,15	8.216
Lợi nhuận đã thực hiện	48.440	61.806	13.366	27,59	81.450
Lợi nhuận chưa thực hiện	50.109	16.890	-33.219	-66,29	-73.234
Lợi nhuận sau thuế	78.896	62.995	-15.901	- 20,15	6.549
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	11,36%	6,57%	-4,79%	- 42,17	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và BCTC Quý I/2023 của VFS

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng giá trị tài sản Công ty đạt 952,8 tỷ đồng, trong đó Tài sản ngắn hạn chiếm 72,45%, Tài sản dài hạn chiếm 27,55% tổng tài sản. Tại thời điểm 31/12/2022, tổng giá trị tài sản Công ty đạt 1.018 tỷ đồng, tăng 6,83% so với năm 2021, trong đó Tài sản ngắn hạn chiếm 98,8%, Tài sản dài hạn chiếm 1,2% tổng tài sản. Công ty đã có sự dịch chuyển trong cơ cấu tài sản, chuyển dịch từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn do trong năm 2022 Công ty nhận định thị trường trái phiếu có nhiều biến động nên vào Quý II/2022 Công ty đã tái toán toàn bộ các trái phiếu đầu tư chuyển sang nắm giữ tiền mặt, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ và đầu tư cổ phiếu, do đó tài sản ngắn hạn đạt 1.005,8 tỷ đồng, tăng 45,70% so với năm 2021. Năm 2022, Giá trị tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu đến từ Tiền đạt 397,1 tỷ đồng, tăng 49,45%; Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) đạt 326,1 tỷ đồng, tăng 96,54% (chi tiết tại Bảng 25 dưới đây); Các khoản cho vay trong kỳ đạt 282 tỷ đồng, giảm 12,36% so với thời điểm cuối năm 2021. Tài sản dài hạn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2022 chỉ còn 12,18 tỷ đồng chủ yếu bao gồm Tài sản cố định 7,27 tỷ đồng, Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán 4,9 tỷ đồng nộp cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 đạt 989,7 tỷ đồng, tăng 6,62% so với cuối năm 2021 chủ yếu do Công ty ghi nhận bổ sung lợi nhuận tăng trong năm 2022.

Trong Quý I năm 2023, Tổng giá trị tài sản và Vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt đạt 1.021,7 tỷ đồng và 996,3 tỷ đồng, tăng nhẹ so với thời điểm 31/12/2022 do Lợi nhuận chưa phân phối tăng 6,1 tỷ đồng.

Các chỉ số về hoạt động kinh doanh trong năm 2022 của Công ty cũng thể hiện sự tăng trưởng. Doanh thu hoạt động và Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty lần lượt đạt 154,5 tỷ đồng và 16,1 tỷ đồng, tăng tương ứng 23,97% và 47,32% so với năm 2021. Tuy nhiên, Lợi nhuận trước thuế đạt 78.696 tỷ đồng, giảm 20,15% so với năm 2021 do hiệu quả hoạt động tự doanh của Công ty năm 2022 thấp hơn so với năm trước bởi hoạt động này phụ thuộc nhiều vào sự biến động của thị trường chứng khoán.

() Lợi nhuận trước thuế của Công ty gồm Lợi nhuận thực hiện và Lợi nhuận chưa thực hiện. Trong đó, Lợi nhuận đã thực hiện đạt 61,81 tỷ đồng, tăng 27,59% so với năm 2021 tương ứng với Chi phí thuế TNDN hiện hành là 12,3 tỷ đồng, tăng 27,95% so với năm 2021; Lợi nhuận chưa thực hiện là 16,89 tỷ đồng, giảm 66,29% so với năm 2021 đến từ các khoản Chênh lệch đánh giá các TSTC FVTPL tại thời điểm 31/12/2022 tương ứng với Chi phí thuế TNDN hoãn lại là 3,4 tỷ đồng, giảm 66,29% so với năm 2021.*

Quý I/2023, Doanh thu hoạt động đạt 96,18 tỷ đồng, tăng 410,78% so với Quý I/2022. Mặc dù doanh thu tăng mạnh so với cùng kỳ nhưng Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt đạt 8,2 tỷ đồng và 6,5 tỷ đồng, giảm 5,98% so với Quý I/2022, do chi phí tăng từ việc chênh lệch đánh giá lại các cổ phiếu đã bán trong kỳ. Trong đó, Lợi nhuận đã thực hiện đạt 81,45 tỷ đồng, tăng 832% so với cùng kỳ năm 2022 tương ứng với Chi phí thuế TNDN hiện hành là 16,3 tỷ đồng, tăng 821% so với cùng kỳ; Lợi nhuận chưa thực hiện là -73,23 tỷ đồng, đến từ các khoản Chênh lệch đánh giá các TSTC FVTPL đã bán trong kỳ tương ứng với Chi phí thuế TNDN hoãn lại là -14,6 tỷ đồng.

Bảng 13: Tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ Tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng trưởng		31/03/2023
	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng
Tổng giá trị rủi ro thị trường	110.802	47.932	-62.870	-56,74	4.730
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	27.993	45.299	17.306	61,82	63.790
Tổng giá trị rủi ro hoạt động	50.000	50.000	0	0,00	50.000

Tổng giá trị rủi ro	188.795	143.231	-45.564	-24,13	118.520
Vốn khả dụng	939.792	1.000.809	61.017	6,49	990.703
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (*)	498%	699%	201%	40,36	836%

Nguồn: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2021, năm 2022 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/03/2023 của VFS.

() Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng: Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty luôn được tổ chức kiểm toán của Công ty đánh giá hàng năm theo quy định của Bộ tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng cho phép đối với Công ty chứng khoán là trên 180%. Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại ngày 31/12/2022 của Công ty là 699%, đạt gần gấp 04 lần, tỷ lệ này tại ngày 31/03/2023 là 836% cao gần gấp 05 lần so với yêu cầu của UBCKNN đối với Công ty chứng khoán, do vậy với tỷ lệ vốn khả dụng được trình bày tại bảng trên đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định pháp luật.*

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021-2022:

Thuận lợi:

- Năm 2021: Năm 2021, là một năm đầy biến động, tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Bộ Tài chính tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã đạt những thành quả nhất định, hệ thống giao dịch hoạt động thông suốt, thị trường hoạt động ổn định, tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô và thanh khoản, thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, khẳng định vị trí, vai trò là kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế.
- Trên thị trường cổ phiếu, chỉ số VN-Index nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử mới, đỉnh cao nhất là vào ngày 25/11 khi VN-Index chạm mốc 1.500,81 điểm. Tính đến ngày 28/12/2021, VN-Index đạt 1.494,39 điểm, tăng 35,4% so với cuối năm 2020. Chỉ số HNX-Index đạt mức 458,05 điểm, tăng 125,5% so với cuối năm 2020. Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về chỉ số, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu cũng tăng mạnh. Tính đến ngày 28/12, mức vốn hóa thị trường đạt 7.729 nghìn tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020, tương đương 122,8% GDP năm 2020. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch (ĐKGD) của thị trường đạt 1.727 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1% với cuối năm 2020.

- Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu năm 2021 vẫn tiếp tục bùng nổ và tăng mạnh nhờ dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước dẫn dắt thị trường. Tính chung từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 26.564 tỷ đồng/phiên, tăng 258% so với bình quân năm 2020.
- Tổng mức huy động vốn trên TTCK trong 11 tháng đầu năm đạt 444.941 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước. Huy động vốn cho ngân sách Nhà nước thông qua đấu thầu trái phiếu Chính phủ tăng 1,3% với giá trị đạt 301.017 tỷ đồng.
- Số lượng nhà đầu tư tham gia TTCK tăng mạnh trong thời gian gần đây đã góp phần đẩy thanh khoản thị trường lên hàng tỷ USD/phiên. Chỉ riêng trong năm qua, đã có 1,3 triệu tài khoản của nhà đầu tư trong nước và 4.133 tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài mở mới, nâng tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam lên con số 4,08 triệu tài khoản, tăng 47,3% so với cuối năm 2020.
- TTCK phái sinh đón nhận thêm sản phẩm hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm. Thị trường trái phiếu niêm yết duy trì ổn định, quy mô niêm yết đạt hơn 1,51 triệu tỷ đồng, tăng 8,9% so với cuối năm 2020, trong đó, quy mô niêm yết của thị trường trái phiếu Chính phủ đạt 1,48 triệu tỷ đồng, chiếm 98,3% quy mô toàn thị trường. Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 11,25 nghìn tỷ đồng tăng 9,7% so với năm 2020, trong đó giao dịch repos chiếm 34% tổng giá trị toàn thị trường.
- o Năm 2022: Tiếp nối đà tăng năm 2021, chỉ số thị trường duy trì được mức tăng mạnh mẽ trong những tháng đầu năm 2022
 - Tiếp nối đà tăng của năm 2021, chỉ số thị trường đã duy trì được mức tăng mạnh mẽ trong những tháng đầu năm, trong đó VN-Index đạt mức đỉnh lịch sử là 1.528,57 điểm vào ngày 6/1/2022. Nhưng sau đó, trước những ảnh hưởng đến từ tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, TTCK Việt Nam bước vào giai đoạn điều chỉnh mạnh và đạt mức thấp nhất vào ngày 15/11/2022 khi chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 911,9 điểm; sau đó đã có những tuần hồi phục tích cực. Chỉ số VN-Index đóng cửa ngày 30/12/2022 là 1007,09 điểm, giảm 32,8% so với cuối năm 2021; chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 205,31 điểm, giảm 56,7% so với cuối năm 2021.
 - Về quy mô niêm yết và đăng ký giao dịch, đến cuối tháng 12/2022, thị trường có 757 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên hai Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) và 856 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM với tổng giá trị niêm yết, đăng ký giao dịch đạt 1.983 nghìn tỷ đồng, tăng 14% với cuối năm 2021, tương đương 23,4% GDP. Vốn hóa thị trường cổ phiếu tính đến cuối năm 2022 trên cả 3 sàn giao dịch (HOSE, HNX và UPCoM) đạt 5.227 nghìn tỷ đồng, giảm 32,7% so với cuối năm 2021, tương đương 61,6% GDP năm 2021 và 55% GDP ước tính năm 2022.
 - Cùng với diễn biến giảm điểm của VN-Index, thanh khoản thị trường cũng có xu hướng giảm liên tục trong năm 2022: từ mức giao dịch bình quân 31.160 tỷ

đồng/phiên trong quý I/2022, thanh khoản bắt đầu giảm mạnh từ tháng 4 và xuống mức thấp nhất trong tháng 11 với giá trị giao dịch bình quân chỉ đạt 13.017 tỷ đồng/phiên, giảm 58,2% so với quý I.

- Mặc dù các chỉ số thị trường cổ phiếu và thanh khoản giảm đáng kể trong năm 2022 nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty niêm yết và công ty đại chúng trong 9 tháng đầu năm vẫn ghi nhận mức tăng trưởng khá. Hoạt động sản xuất, kinh doanh đã phục hồi trở lại nhờ chính sách “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” của Chính phủ.

o Quý I/2023

Thị trường chứng khoán Việt Nam quý I/2023 trải qua với nhiều biến động, tăng, giảm đan xen do sự tác động mạnh mẽ của nhiều yếu tố vĩ mô trong nước và quốc tế. Điểm tích cực trong quý đầu năm là số lượng tài khoản nhà đầu tư tham gia tiếp tục gia tăng. Đến cuối tháng 2/2023, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt gần 7 triệu tài khoản, tăng 1,45% so với cuối năm 2022.

- Các hiệp định thương mại (như EVFTA, CPTPP, RCEP,...) sẽ mở rộng cánh cửa xuất khẩu cho Việt Nam, những sản phẩm thủ công, vật liệu thô vốn là thế mạnh của Việt Nam với nguồn lao động trẻ dồi dào. Điều này sẽ là một trong những nền tảng thúc đẩy tăng trưởng GDP trong năm 2023. Sự hồi phục và tăng trưởng GDP bền vững sẽ là động lực lớn giúp thị trường chứng khoán tiếp tục đi lên bền vững trong năm 2023. Thị trường chứng khoán sôi động sẽ là môi trường kinh doanh tốt cho các công ty chứng khoán nói chung và VFS nói riêng.
- Lãi suất cho vay 2023 dự kiến duy trì ở mặt bằng giá thấp, Tỷ giá USD/VND ổn định và lạm phát được khống chế sẽ là nhân tố quan trọng tác động duy trì xu hướng tăng và sự sôi động của thị trường kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.

o Các chỉ số vĩ mô của Việt Nam tích cực:

Kinh tế – xã hội năm 2022 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được các tổ chức quốc tế dự báo tăng hoặc giữ nguyên so với dự báo tại thời điểm quý III/2022 nhưng thấp hơn tăng trưởng của năm 2021. Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, hoàn thành mục tiêu kinh tế – xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng XIII, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế – xã hội.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi tích cực ở cả ba khu vực kinh tế. GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78% trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,1%. Khu vực dịch vụ tăng 9,99%, trong đó nhiều ngành dịch vụ thị trường tăng cao như: bán buôn, bán lẻ; vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm;
- Đáng chú ý, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2022 đảm bảo nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước và xuất khẩu. Sản lượng lúa mùa ước đạt 8,21 triệu tấn, tăng 151,9 nghìn tấn; sản lượng một số cây lâu năm tăng khá. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát. Ước tính tổng số lợn của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 12/2022 tăng 11,4% so với cùng thời điểm 2021; tổng số gia cầm tăng 4,8%; tổng số bò tăng 3,1%. Nuôi trồng cá tra phát triển khá do giá cá tra nguyên liệu tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long và nhu cầu thị trường thế giới tăng cao. Sản lượng cá tra năm 2022 ước tăng 10,2% so với 2021;
- Ngành công nghiệp tiếp tục phục hồi và phát triển, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2022 ước tăng 7,8% so với 2021, trong đó nhiều ngành công nghiệp trọng điểm tăng trưởng cao;
- Hoạt động thương mại, dịch vụ tăng trưởng mạnh mẽ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 đạt 5.679,9 nghìn tỷ đồng, tăng 19,8% so với 2021 và là mức tăng cao trong nhiều năm trở lại đây. Cũng trong năm 2022, khách quốc tế đến nước ta đạt 3.661,2 nghìn lượt người, gấp 23,3 lần so với năm 2021;
- Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng trưởng khá và có mức thặng dư tích cực. Tính chung năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với 2021, trong đó xuất khẩu tăng 10,6%; nhập khẩu tăng 8,4%; ước tính ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD;
- Số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường tăng cao. Năm 2022, cả nước có 148,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số lao động đăng ký là 981,3 nghìn người, tăng 27,1% về số doanh nghiệp và tăng 14,9% về số lao động so với 2021; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 59,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,8%. Tính chung số doanh nghiệp gia nhập thị trường năm 2022 đạt 208,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 30,3% so với năm 2021;
- Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành năm 2022 ước đạt 3.219,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với 2021; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5%, cao nhất trong 5 năm qua;

- Lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với 2021, thấp hơn mức tăng 3,54% và 3,23% của năm 2018 và 2020; cao hơn mức tăng 2,79% và 1,84% của năm 2019 và năm 2021. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59%;
- Số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng. Lao động có việc làm trong năm 2022 ước tính đạt 50,6 triệu người, tăng 1.504,5 nghìn người so với cùng kỳ 2021; thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương ước tính đạt 7,5 triệu đồng/tháng, tăng 992 nghìn đồng. Tính đến ngày 30/11/2022, gói hỗ trợ theo Nghị quyết 11/NQ-CP đã giải ngân khoảng 3,74 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ gần 5,3 triệu lượt lao động tại gần 123 nghìn doanh nghiệp.

Khó khăn:

- o Thanh khoản hệ thống trở nên căng thẳng vào những tháng cuối năm 2022 do (i) NHNN hút ròng khoảng hơn 500 nghìn tỷ thông qua bán ngoại tệ kể từ lúc đồng USD mạnh lên hồi đầu quý 4; (ii) Chênh lệch huy động - tín dụng chuyển sang trạng thái âm từ tháng 7 do nhu cầu vay vốn sau dịch lớn. Tỷ lệ cho vay/huy động của nhiều ngân hàng vượt quá 100% khiến vấn đề thanh khoản trở nên căng thẳng; (iii) Hàng loạt các sai phạm liên quan đến trái phiếu như sự kiện Tân Hoàng Minh và Vạn Thịnh Phát làm suy giảm dòng vốn trái phiếu, trực tiếp giảm thanh khoản trung, dài hạn của nền kinh tế. Việc thiếu hụt thanh khoản đã kéo theo làn sóng tăng lãi suất huy động từ đầu quý 3, nâng lãi suất huy động từ vùng 5 – 6%/năm lên 9 – 10%/năm (đối với kỳ hạn 12 tháng). Lãi suất tăng ảnh hưởng đến chi phí vốn nền kinh tế, cùng với tác động kém tích cực từ cầu thế giới suy giảm đã dẫn đến triển vọng nền kinh tế trở nên kém tích cực hơn trong quý 4.
- o Chênh lệch huy động – tín dụng: Đầu tháng 12, NHNN thực hiện nới room tín dụng 1,5% - 2% tuy nhiên tăng trưởng tín dụng ước tính chỉ tăng trưởng khoảng 14,5% trong năm 2022, thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu cả năm 15,5% - 16%.
- o Chính sách tiền tệ thắt chặt khiến dòng tiền rút mạnh khỏi TTCK: Chỉ số chứng khoán Việt Nam năm 2022 rơi vào xu hướng giảm lớn và khốc liệt nhất trong nhiều năm; Các chỉ số chứng khoán Việt Nam rơi vào nhóm yếu nhất thế giới với VNIndex kết thúc năm giảm 34% và HNX giảm 60%.
- o Nhà đầu tư cá nhân chiếm khoảng 80% giá trị giao dịch thị trường và giữ xu hướng rút ròng mạnh dần, đặc biệt trong 2 tháng cuối năm; Ngược lại, dòng tiền nước ngoài và tổ chức trong nước có dấu hiệu tham gia trở lại mạnh mẽ trong tháng 11 và tháng 12, đặc biệt mua ròng từ nước ngoài rất lớn.
- o Dòng tiền từ quỹ đầu tư cơ cấu sang tài sản ít rủi ro hơn: Hiệu suất các quỹ đầu tư năm 2022 sụt giảm mạnh, trong đó gần 93% quỹ cổ phiếu và cân bằng có tăng trưởng giá trị tăng trưởng tài sản (NAV) âm từ 10-30%. Các quỹ có tăng trưởng NAV dương hầu hết là các quỹ trái phiếu; Tỷ trọng đầu tư các quỹ so với cuối năm 2021 giảm mạnh trên

nhóm bất động sản. Ngược lại tăng đột biến trên tài nguyên cơ bản và điện nước & xăng dầu.

- Tiền trên thị trường chứng khoán bị hút sang các tài sản tài chính khác: Giá trị giao dịch phái sinh VN30 tăng đột biến vào tháng 04/22 khi VNIndex bắt đầu chu kỳ giảm giá, trong khi thanh khoản VNIndex sụt cho thấy (i) Lượng hợp đồng phòng vệ rủi ro tăng mạnh từ tháng 4, (ii) Thanh khoản thị trường cơ sở bị cạnh tranh bởi sức hút của thị trường phái sinh, (iii) Giá hàng hóa bứt tốc và đạt đỉnh vào giữa tháng 3/2022 khiến thị trường hàng hóa sôi động từ đầu năm. Đồng thời, giao dịch hai chiều tạo cơ hội trong cả xu hướng xuống khiến phái sinh hàng hóa hấp dẫn dòng tiền hơn so với thị trường chứng khoán cơ sở.
- Dòng tiền kẹt trong trái phiếu bất động sản: Lượng trái phiếu bất động sản đáo hạn 2023 rất lớn do hoạt động phát hành tăng đột biến cuối năm 2021, gây tắc nghẽn dòng tiền trong trái phiếu, đồng thời xuất hiện rút ròng từ thị trường chứng khoán để thanh toán trái phiếu, Các vấn đề của trái phiếu ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của các công ty chứng khoán trung gian phát hành, và ảnh hưởng gián tiếp đến thanh khoản thị trường và lợi nhuận của các mảng doanh thu.
- Mặt khác, vấn đề nâng hạng thị trường từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi vẫn gặp nhiều trở ngại về pháp lý và chính sách cần nhiều thời gian để tháo gỡ như vấn đề tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, tự do hoá tài khoản vốn; quản trị công ty và tính minh bạch về công bố thông tin; rủi ro lan truyền từ các khu vực thị trường liên thông (bất động sản; ngoại hối; tiền kỹ thuật số...) gây nên những cơn sốt ảo về bất động sản (BDS), về chứng khoán.
- Bên cạnh đó, hệ thống công nghệ thông tin cho toàn thị trường còn có những trở ngại nhất định cho sự tăng trưởng của thị trường (hệ thống công nghệ thông tin nghẽn lện; chậm đầu tư và đưa vào vận hành hệ thống mới, qua đó cho phép đưa vào các nghiệp vụ mới như giao dịch trong ngày (day trading); bán chứng khoán chờ về; thanh toán bù trừ đối tác trung tâm (CCP) vào vận hành.
- Ngoài ra, áp lực cạnh tranh trên thị trường chứng khoán là rất lớn. Thứ nhất, là cuộc đua khốc liệt về biểu phí và lãi suất do các công ty nước ngoài với lợi thế về giá vốn rẻ khởi sự từ 2019 vẫn tiếp diễn trong năm 2022. Thứ hai, là cuộc đua về đổi mới công nghệ mà một trong những công ty nổi bật nhất trên thị trường đó là VPS với những hệ thống công nghệ cao như tính năng mở tài khoản tự động Ekyc, robot tư vấn...

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt ra đời vào thời điểm cuối năm 2008 và đang hoạt động với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tự doanh

chứng khoán, Tư vấn bảo lãnh phát hành. Đến nay, với định hướng chiến lược đúng đắn và đầu tư có hiệu quả, VFS đã gây dựng được vị thế nhất định trên thị trường chứng khoán Việt Nam sau gần 15 năm hoạt động và phát triển.

- Về quy mô nhân sự hoạt động: Bộ máy nhân sự và lãnh đạo của VFS gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, được đào tạo bài bản qua nhiều chương trình có uy tín trên toàn cầu như CFA, ACCA ... và có kinh nghiệm, tầm nhìn chiến lược và trình độ quản trị lâu năm trong lĩnh vực chứng khoán, kiểm toán và tài chính. Với tầm nhìn chiến lược và định hướng lãnh đạo đúng đắn, VFS cũng thu hút được nhiều nhân tài, có kinh nghiệm chuyên sâu đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban. Và mặc dù đi vào hoạt động cuối năm 2008, khi thị trường chứng khoán Việt Nam còn đang trong tình trạng thiếu nhân sự nhưng VFS đã rất chú trọng khâu tuyển dụng nhân viên. Đội ngũ nhân viên nghiệp vụ của Công ty đều có chứng chỉ hành nghề, và trung bình đã có kinh nghiệm 5 năm trong lĩnh vực chứng khoán, kiểm toán và tài chính.
- Về mạng lưới đối tác khách hàng, nhà đầu tư: Trải gần 15 năm hoạt động và phát triển, VFS đã xây dựng được một mạng lưới các khách hàng rộng lớn trên phạm vi toàn quốc. Các khách hàng tổ chức của Công ty bao gồm các quỹ đầu tư, các ngân hàng, công ty tài chính cũng như một số doanh nghiệp lớn tham gia tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Mạng lưới các đối tác khách hàng tổ chức này là môi liên kết quan trọng giúp VFS có thể phân phối các sản phẩm chứng khoán ra thị trường một cách hiệu quả và chuyên nghiệp. Bên cạnh các khách hàng tổ chức, VFS còn thu hút đông đảo khách hàng cá nhân tham gia trên thị trường chứng khoán.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Năm 2022 trải qua bao khó khăn trên thị trường chứng khoán (TTCK), nhưng đây là một năm bản lề giúp thị trường dần trở nên bền vững hơn để trong vài năm tới, khi cổ phiếu được xem là một loại tài sản dài hạn hơn là tài sản đầu cơ. Thị trường sẽ tiếp tục hồi phục và tiến về vùng cân bằng, vùng phản ứng tương đối hợp lý giá trị của các doanh nghiệp. Năm 2023, được nhận định là một năm không quá hứa hẹn về triển vọng tăng trưởng khi các vấn đề năm 2022 là lớn và nó không thể giải quyết hết trong một năm.

Trong những diễn biến đầu năm 2023. VN-Index đã tiếp diễn đà hồi phục bắt đầu từ trung tuần tháng 11/2022 và đưa VN-Index về kiểm định lại vùng 1.100 điểm. Thất bại trong việc bứt phá ngưỡng cản này do thiếu vắng sự ủng hộ của dòng tiền khi thị trường đã không còn ở mức định giá hấp dẫn. VN-Index đã điều chỉnh ngắn hạn để tìm kiếm lực cầu hỗ trợ tại những điểm cân bằng mới tại những vùng giá thấp hơn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là tại vùng 1.000 điểm. Nếu xuyên thủng ngưỡng hỗ trợ này. VN-Index có thể sẽ tiếp tục lùi sâu về vùng 980 điểm hay thậm chí là vùng 900 điểm.

Xu hướng thanh khoản năm 2023 vẫn còn gặp khó khăn do: (1) Fed tiếp tục tăng lãi suất và neo giữ ở mức cao với đỉnh lãi suất 2023 dự kiến ở mức 5,1%; (2) Fed và nhiều ngân hàng trung

ương tiếp tục giảm dần bảng cân đối tài sản trong năm 2023; (3) Nền lãi suất cao, cung tiền thận trọng, đáo hạn trái phiếu tạo lực cầu lớn về thanh khoản. Về xu hướng của VN-Index năm 2023, nhóm phân tích dự báo nền lãi suất duy trì ở mức cao hơn sẽ gây khó khăn cho dòng vốn vào thị trường chứng khoán, áp lực điều chỉnh và rung lắc sẽ vẫn sẽ tiếp diễn nửa đầu năm 2022. VN-Index kỳ vọng biến động trong biên độ 950 – 1.250 điểm trong năm 2023. Dòng tiền thận trọng trước những thách thức từ vĩ mô thế giới cũng như những vấn đề nội tại trong nền kinh tế. Các nhóm ngành như Dầu khí, Thủy sản, Xây dựng Hạ tầng, VLXD, ... sẽ là những nhóm ngành tiềm năng trong năm 2023 khi được hưởng lợi từ hoàn cảnh vĩ mô và chính sách thúc đẩy nền kinh tế.

Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam được đánh giá ngày càng mở rộng do các yếu tố (i) số lượng nhà đầu tư mới liên tục tăng mạnh và bùng nổ trong giai đoạn COVID-19 năm 2020-2021, theo chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, số lượng nhà đầu tư đạt 5% dân số năm 2025 và 8% dân số vào năm 2030; (ii) Ngoài thị trường chứng khoán cơ sở, các sản phẩm đầu tư trên thị trường hiện tại có 16 quỹ ETF, phái sinh cổ phiếu và trái phiếu, chứng quyền và quỹ hưu trí, hệ thống giao dịch cũng đã liên tục được nâng cấp theo nhu cầu giao dịch và giải quyết các vướng mắc, hướng đến triển khai hệ thống KRX trong năm 2023; (iii) Định hướng nâng hạng thị trường vẫn được triển khai quyết liệt, các vụ bất giữ và thanh lọc thị trường tạo tâm lý tiêu cực trong ngắn hạn, nhưng sẽ tạo nên nền tảng vững chắc và minh bạch cho chứng khoán Việt Nam trong lâu dài; (iv) Hạn mức cho vay ký quỹ của hầu hết các công ty chứng khoán top đầu còn nhiều, tạo cơ hội cho các công ty chứng khoán thu về lượng lãi vay lớn khi thị trường chứng khoán hồi phục và nhu cầu sử dụng đòn bẩy tăng lên.

❖ So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Ngày 28/02/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán (TTCK) và thị trường bảo hiểm đến cuối năm 2020 và định hướng đến năm 2025”, theo đó một số mục tiêu chính của Đề án để cơ cấu lại TTCK có thể kể đến như:

- Phân đấu quy mô thị trường cổ phiếu đạt mức 100% GDP vào năm 2020 và 120% GDP vào năm 2025, quy mô thị trường trái phiếu đạt mức 47% GDP vào năm 2020 và 55% GDP vào năm 2025.
- Số lượng nhà đầu tư trên thị trường đạt mức 3% dân số vào năm 2020 và 5% dân số vào năm 2025.
- Trước năm 2025, nâng hạng TTCK Việt Nam trên danh sách các thị trường mới nổi.

Qua đó có thể thấy, TTCK trong giai đoạn 2020-2025 sẽ rất tiềm năng nhưng đồng thời cũng mang tới nhiều thách thức cũng như sự cạnh tranh đối với VFS khi các Công ty chứng khoán khác trong ngành cũng cho thấy tiềm lực mạnh và sự chú trọng trong việc đầu tư, phát

triển đội ngũ nhân sự và hệ thống công nghệ thông tin. Hiện nay trên hai sàn giao dịch chứng khoán niêm yết HOSE và HNX, các Doanh nghiệp chứng khoán có ngành nghề hoạt động tương tự với Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt có thể kể đến: Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (IVS), Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVS), Công ty Cổ phần Chứng khoán Smart Invest (AAS), Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (DSC).

Bảng 14: So sánh kết quả kinh doanh năm 2022 của các Công ty Chứng khoán có mức vốn điều lệ tương đương VFS

Đơn vị: Triệu đồng

Mã Chứng khoán	Sàn giao dịch	Vốn góp chủ sở hữu	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu hoạt động	LNTT	LNST
VFS	Upcom	802.500	1.017.956	989.727	154.491	78.696	62.995
IVS	HNX	693.500	811.169	728.128	72.408	22.456	17.245
BVS	HNX	722.339	3.857.651	2.180.940	855.266	181.004	146.888
AAS	Upcom	800.000	2.306.938	1.533.188	1.226.588	399.120	318.908
DSC	Upcom	1.000.000	2.409.334	1.065.488	166.860	42.396	33.447

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2022 của các Công ty được công bố tại HNX

❖ Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty:

VFS luôn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng. VFS đã và đang không ngừng đầu tư nghiên cứu và áp dụng các tiện ích và ứng dụng công nghệ để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao, cung cấp cho khách hàng dịch vụ giao dịch an toàn, thuận tiện, minh bạch.

Đánh giá về sự phù hợp:

Trong tiến trình cải cách nền kinh tế của Việt Nam, thị trường chứng khoán đóng vai trò rất quan trọng trong xây dựng nền kinh tế năng động, hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh. Thị trường chứng khoán không chỉ là kênh huy động vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, từ người dân và xã hội, kể cả từ nước ngoài, tạo nguồn lực tài chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả; nâng cao năng lực quản trị và công khai minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trải qua hơn 20 năm xây dựng và trưởng thành, ngành Chứng khoán đã ngày càng lớn mạnh, trưởng thành; thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển mạnh mẽ về quy mô, không ngừng hoàn thiện về cấu trúc, góp phần hoàn thiện thể

chế kinh tế thị trường và thúc đẩy hội nhập quốc tế, trở thành kênh dẫn vốn quan trọng của nền kinh tế, định hình cấu trúc hệ thống tài chính hiện đại; góp phần đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp và tái cơ cấu nền kinh tế, tăng cường công khai, minh bạch.

- *Phù hợp về phương châm hoạt động:* “**Chính trực – Sáng tạo – Chuyên nghiệp – Sự hài lòng của khách hàng**” là tiêu chí hàng đầu được VFS đặt ra trong hoạt động cung ứng dịch vụ, sản phẩm cho khách hàng. Những phương châm trên đã đáp ứng được tất cả những yêu cầu về hoạt động của một công ty chứng khoán đối với nhà đầu tư, bởi phương châm hoạt động của VFS đều đi đến mục tiêu cao nhất là có được sự hài lòng của khách hàng. Đặt khách hàng là trung tâm, VFS sẽ ngày càng nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ để đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, cùng khách hàng “Biến cơ hội thành giá trị”.
- *Phù hợp về quy mô hoạt động:* Nhận thức rõ yêu cầu về vốn để đầu tư công nghệ, cơ sở hạ tầng và đầu tư nhân lực để có thể thành công và phát triển bền vững, VFS đã chú trọng quy mô vốn, đầu tư ngay từ thời điểm ban đầu về công nghệ hiện đại và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giỏi về chuyên môn. Và trước yêu cầu phát triển và cạnh tranh trong thời gian tới, VFS đã xây dựng kế hoạch tăng cường tiềm lực tài chính và mở rộng mạng lưới hoạt động, ngay cả trong bối cảnh thị trường chứng khoán sụt giảm để đón trước cơ hội khi thị trường phục hồi. Sự đi tắt đón đầu này sẽ tạo điều kiện nâng cao sức cạnh tranh của VFS trong thời gian tới.
- *Phù hợp về dịch vụ sản phẩm.* Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, VFS hiện đang từng bước triển khai cung ứng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Cùng với việc triển khai dịch vụ giao dịch từ xa, các hoạt động nghiên cứu và phân tích thị trường, phân tích ngành, phân tích doanh nghiệp đang được VFS nỗ lực đẩy mạnh. Với xu thế phát triển theo chiều sâu của thị trường chứng khoán trong thời gian tới, định hướng cung cấp các sản phẩm với chất lượng cao của VFS là hoàn toàn phù hợp.
- *Phù hợp về công nghệ:* Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, VFS hiện đang từng bước triển khai cung ứng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Cùng với việc triển khai dịch vụ giao dịch từ xa, các hoạt động nghiên cứu và phân tích thị trường, phân tích ngành, phân tích doanh nghiệp đang được VFS nỗ lực đẩy mạnh. Với xu thế phát triển theo chiều sâu của thị trường chứng khoán trong thời gian tới, định hướng cung cấp các sản phẩm với chất lượng cao của VFS là hoàn toàn phù hợp.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

- Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2023 là 58 người.

- Số lượng người lao động bình quân trong 02 năm 2021-2022 là: 52 người

Bảng 15: Cơ cấu lao động của Công ty

Đơn vị: người

Phân theo loại hợp đồng	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Lao động thường xuyên	45	55	55
Lao động thời vụ	2	3	3
Phân theo trình độ học vấn			
Trình độ đại học, trên đại học	43	53	53
Trình độ dưới đại học	4	5	5
Tổng cộng	47	58	58

Nguồn: VFS

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên nhân sự tốt nghiệp đại học và trên đại học trong và ngoài nước, nhân sự có chuyên môn giỏi, nhiều kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty nhằm tạo nguồn lực góp phần vào sự phát triển lâu dài cho Công ty.

❖ Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân viên là một trong các công tác ưu tiên của Công ty. Chính sách đào tạo của Công ty có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, có đạo đức trong kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc.

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh doanh của Công ty và kế hoạch hàng năm, Chính sách đào tạo của Công ty được triển khai theo các loại hình đào tạo sau:

- Đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ: dựa vào yêu cầu công việc và kết quả đánh giá, Công ty phân tích nhu cầu đào tạo và thiết kế các chương trình đào tạo chuyên môn, kết hợp với các chuyên gia bên trong và bên ngoài (tổ chức đào tạo) để thực hiện.
- Ngoài việc tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá đào tạo nâng cao nghiệp vụ, Công ty còn chú trọng đến đào tạo kỹ năng nâng cao, đảm bảo cho nhân viên hoàn thành mục tiêu như: kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phân tích và nhận định thị trường...

❖ Chính sách lương, thưởng và các chế độ khác đối với người lao động

VFS luôn đảm bảo lợi ích cho nhân sự về lương, phụ cấp hoàn thành công việc và các khoản phúc lợi khác, tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp.

❖ **Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội**

Tất cả nhân viên chính thức của Công ty đều được hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được phụ cấp xăng xe, phụ cấp chuyên môn,...

Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi cho cán bộ nhân viên bằng các trợ cấp đối với các nhân viên cưới hỏi, ốm đau nằm viện, thai sản, tang chế... Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cùng Công đoàn công ty luôn chú tâm phát triển và duy trì các hoạt động ngoại khóa như sinh hoạt tập thể, thể thao...

❖ **Chế độ khác:**

Hàng năm, Công ty thực hiện chế độ nghỉ mát cho nhân viên. Ngoài ra, Công ty có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ.

10. Chính sách chi trả cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở:

- Lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác, trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.
- Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế và không ảnh hưởng đến khả năng thanh toán công nợ.
- Tình hình trả cổ tức của Công ty trong những năm gần đây:

Tình hình chi trả cổ tức giai đoạn 2021 – 2022

Bảng 16: Tỷ lệ cổ tức 2021 - 2022

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Hình thức trả cổ tức
2021	0%	-
2022	0%	-

Nguồn: VFS

Trong giai đoạn 2021 – 2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức do tập trung đầu tư phát triển mở rộng hoạt động kinh doanh. Trong giai đoạn tới, Công ty sẽ lên kế hoạch chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật đồng thời đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 08/04/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã trình và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua không chi trả cổ tức năm 2023. Lợi nhuận của Công ty sẽ được giữ lại để tập trung phát triển, mở rộng và đầu tư thêm vào các hạng mục cần thiết nhằm nâng cao vị thế của VFS.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty tính khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được ghi nhận theo giá gốc và theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các nhóm tài sản cố định được ước tính như sau:

Bảng 17: Bảng thời gian khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phần mềm vi tính, bản quyền phần mềm	06

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của VFS

b. Mức lương bình quân

Bảng 18: Thu nhập bình quân năm 2021 và 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	14.998.952	21.225.922

Nguồn: VFS

So với các công ty cùng ngành thì mức lương của Công ty đạt mức tương đương và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Thực hiện theo chủ trương của Ban lãnh đạo, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn trả.

Bảng 19: Chi tiết các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Số dư tại ngày 31/12/2022				
Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2022
Thuế GTGT đầu ra	215	144	345	13
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.698	12.323	13.897	3.125
Thuế thu nhập cá nhân	373	1.447	1.477	343
Các loại thuế khác	2.187	13.243	11.426	4.004
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	0	0	0	0
Tổng cộng	7.474	27.157	27.145	7.486
Số dư tại ngày 31/03/2023				
Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2023	Số phải nộp trong quý	Số đã thực nộp trong quý	Tại ngày 31/03/2023
Thuế GTGT đầu ra	13	19	32	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.125	16.314	3.125	16.314
Thuế thu nhập cá nhân	343	410	704	50
Các loại thuế khác	4.004	2.280	4.539	1.745
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	0	0	0	0
Tổng cộng	7.486	19.023	8.399	18.110

Nguồn: VFS

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo luật định và theo quy định tại Điều lệ của Công ty, chi tiết như sau:

Bảng 20: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.416	2.968	2.968
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	502	502	502
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	1.145	1.922	1.922
Tổng cộng	3.063	5.392	5.392

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và BCTC Quý I/2023 của VFS

Tại thời điểm ngày 31/12/2022 và ngày 31/03/2023, khoản mục quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty là 2,97 tỷ đồng, chiếm 55,04% trong tổng giá trị các quỹ của Công ty. Ngoài ra, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ cũng là 1,9 tỷ đồng.

f. Tổng dư nợ vay

Đến hết 31/03/2023, VFS không có dư nợ vay với bất kì bên nào.

g. Tình hình công nợ hiện tại

❖ Các khoản phải thu

Bảng 21: Một số chỉ tiêu về các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Các khoản phải thu, dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	12.891	10.794	7.946
Phải thu hoạt động margin	321.778	282.017	300.159
Phải thu các dịch vụ do Công ty chứng khoán cung cấp	104	99	177

Phải thu khác	0	0	0
Tổng cộng	334.773	292.910	308.282

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và Quý I/2023 của VFS

Tại thời điểm 31/12/2022, các khoản phải thu là 292,9 tỷ đồng. Trong đó, Các khoản phải thu, dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư là 10,8 tỷ đồng; Phải thu hoạt động margin là hơn 282 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/03/2023, các khoản phải thu là 308,3 tỷ đồng. Trong đó, Các khoản phải thu, dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư là 7,95 tỷ đồng; Phải thu hoạt động margin là hơn 300 tỷ đồng.

❖ **Các khoản phải trả**

Trong những năm qua, Công ty đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ, giữ uy tín cho Công ty và phát huy được hiệu quả sử dụng vốn.

Bảng 22: Một số chỉ tiêu về các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	902	652	709
Phải trả người lao động	1.228	0	1.124
Chi phí phải trả ngắn hạn	0	0	0
Phải trả người bán	346	9	0
Các khoản phải trả phải nộp khác ngắn hạn	20	21	21
Tổng cộng	2.150	682	1.854

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và Quý I/2023 của VFS

Tổng các khoản phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 682 triệu đồng, giảm 68,28% so với thời điểm 31/12/2021, do trong năm Công ty đã thanh toán tất cả các khoản phải trả cho người lao động (tiền thưởng và các khoản thu nhập khác).

Tổng các khoản phải trả của Công ty tại thời điểm 31/03/2023 là 1,8 tỷ đồng, trong đó phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là 709 triệu đồng, phải trả người lao động là 1,1 tỷ đồng, các khoản phải trả phải nộp khác ngắn hạn là 21 triệu đồng.

❖ **Nợ phải trả**

Bảng 23: Một số chỉ tiêu về các khoản nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Nợ phải trả ngắn hạn	11.665	11.960	23.851
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	0	0
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	0	0	0
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	902	652	709
Phải trả người bán ngắn hạn	346	9	0
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	236	775	823
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.473	7.486	18.110
Phải trả người lao động	1228	0	1.124
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	43	49	96
Chi phí phải trả ngắn hạn	0	0	0
Các khoản phải trả phải nộp khác ngắn hạn	20	21	21
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.416	2.968	2.968
Nợ phải trả dài hạn	12.891	16.269	1.623
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0	0
Trái phiếu phát hành dài hạn	0	0	0
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	12.891	16.269	1.623
Tổng cộng	24.665	28.230	25.474

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và Quý I/2023 của VFS

Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2021, cuối năm 2022 và cuối Quý I/2023 lần lượt là 2,58%, 2,77%, 2,49%, do hầu hết công ty dùng nguồn vốn chủ sở hữu để tài trợ cho nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh.

h. Tài sản tài chính

Bảng 24: Chi tiết tài sản tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	688.031	1.001.496	1.004.640
Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	200.753	397.106	674.743
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	165.931	326.132	35.985
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	0	0	0
Các khoản cho vay	321.778	282.017	300.159
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp (*)	(13.426)	(14.734)	(14.734)
Các khoản phải thu	12.891	10.794	7.946
Phải thu bán các tài sản tài chính	0	0	0
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	12.891	10.794	7.946
<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	<i>3.783</i>	<i>3.321</i>	<i>4.187</i>
<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>9.108</i>	<i>7.473</i>	<i>3.759</i>
Trả trước cho người bán	0	83	364
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	104	99	177

TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250.000	0	0
Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
Các khoản đầu tư	250.000	0	0
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	250.000	0	0
TỔNG CỘNG	938.031	1.001.496	1.004.640

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và Quý I/2023 của VFS

(*) Tiền và các khoản tương đương tiền gồm các khoản tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK.

Đối với Khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK bao gồm Tiền gửi ngân hàng tại SCB; Tiền gửi ngân hàng tại BIDV (Nam Kỳ Khởi Nghĩa); Tiền gửi ngân hàng tại BIDV (Nam Kỳ Khởi Nghĩa) – phong tỏa tăng vốn; Tiền gửi ngân hàng tại BIDV (Nam Kỳ Khởi Nghĩa) – SGD1; Tiền gửi ngân hàng tại BIDV (Nam Kỳ Khởi Nghĩa) – TPCP; Tiền gửi ngân hàng tại BIDV (Hoàn Kiếm); Tiền gửi ngân hàng TTBT tự doanh tại BIDV; Tiền gửi ngân hàng BIDV Hà Thành Upcom; Tiền gửi ngân hàng tại VCB; Tiền gửi ngân hàng tại An Bình; Tiền gửi tại EVNFC – kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%-7%/năm (tùy hợp đồng); được rút trước hạn.

Trong các năm qua 3 khoản mục chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty là Tiền, Các tài sản tự doanh và Các khoản cho vay. So với thời điểm 31/12/2021, thì cuối năm 2022 và cuối Quý I/2023, tổng giá trị tài sản Công ty tăng nhẹ, tuy nhiên Công ty đã có sự dịch chuyển trong cơ cấu tài sản, chuyển dịch từ Tài sản tự doanh (gồm Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn) sang Tiền do trong năm 2022 và đầu năm 2023, Công ty nhận định thị trường chứng khoán có nhiều biến động nên Công ty đã bán hầu hết các cổ phiếu, trái phiếu trong danh mục tự doanh. Cụ thể tỷ trọng của Khoản mục Tiền tăng dần, tại thời điểm cuối năm 2021, cuối năm 2022 và cuối Quý I/2023 lần lượt chiếm 21,1%, 39%, 66,3% trên tổng tài sản. Khoản mục Các tài sản tự doanh giảm dần tỷ trọng, lần lượt chiếm 43,6%, 34,2%, 3,8% tại thời điểm cuối năm 2021, cuối năm 2022 và cuối Quý I/2023. Các khoản cho vay của Công ty qua các năm chiếm tỷ trọng khoảng từ 27,7% đến 33,7% trong tổng tài sản.

Tại ngày 31/12/2022, giá trị tài sản tài chính ngắn hạn là 1.001,5 tỷ đồng chiếm 100% tài sản tài chính, tăng 45,56% (313,5 tỷ đồng) so với thời điểm 31/12/2021 do trong năm 2022 tình hình thị trường trái phiếu diễn biến không được thuận lợi nên Công ty đã thực hiện tất toán toàn bộ khoản đầu tư trái phiếu nắm giữ tại Công ty TNHH Marcus và Công ty Cổ phần ABG Hà Nội với tổng giá trị 250 tỷ đồng. Các tổ chức phát hành này đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu. Thời điểm cuối năm 2022, Khoản mục tiền và tương đương tiền là 397,1 tỷ

đồng, chiếm 39,65% tài sản tài chính và tăng 97,81%; danh mục tài sản tự doanh là 326,1 tỷ đồng, chiếm 32,56% giá trị tài sản tài chính và tăng 96,55% so với thời điểm cuối năm 2021 là do sau khi nhận tất toán khoản gốc lãi trái phiếu từ hai tổ chức phát hành trên Công ty thực hiện gia tăng đầu tư danh mục tự doanh.

Tại thời điểm 31/03/2023, tài sản tài chính ngắn hạn là 1.004,6 tỷ đồng (chiếm 100% tài sản tài chính, tăng 0,31% so với thời điểm cuối năm 2022), trong đó, giá trị tài sản danh mục tự doanh là gần 36 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,6% tài sản tài chính và giảm 89% so với thời điểm 31/12/2022, nguyên nhân do thời điểm đầu năm 2023 thị trường chứng khoán diễn biến theo chiều hướng không thuận lợi, để đảm bảo an toàn vốn đầu tư, Công ty thực hiện bán gần như toàn bộ danh mục tự doanh và sử dụng một phần số tiền thu được để phát triển hoạt động môi giới chứng khoán và dịch vụ công ty chứng khoán dẫn đến khoản mục Các khoản cho vay là 300,2 tỷ đồng, chiếm gần 30% tài sản tài chính và tăng 6,4% so với thời điểm 31/12/2022; các khoản trả trước cho người bán đạt 364 triệu đồng, phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp đạt 177 triệu đồng, lần lượt tăng 338,6% và 78,8% so với thời điểm kết thúc năm 2022. Một phần số tiền thu được từ bán tài sản tự doanh nằm ở khoản mục tiền và tương đương tiền dẫn đến cho khoản mục này tăng 69,9% so với thời điểm cuối năm 2022, đạt 674,7 tỷ đồng và chiếm 67,16% tài sản tài chính.

Bảng 25: Chi tiết các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản FVTPL	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
EVF	32.860	92.736	131.860	148.127	0	0
HHC	27.632	30.269	27.837	35.952	27.869	31.528
CSV	197	170	0	0	0	0
IJC	0	0	3.031	2.492	0	0
MIC	2	0,4	2	0,5	2	0,5
MWG	0	0	7.907	7.293	0	0
NKG	0	0	11.851	9.992	0	0
STB	0,2	0,3	1.787	1.800	0	0
TSC	0	0	200	79	0	0
TSJ	30.000	31.950	60.308	120.395	0	0

Công ty cổ phần Đầu tư Ngọc Thảo	10.000	10.000	0	0	0	0
Các tài sản tài chính khác	783	805	2	2	0,7	2
TỔNG CỘNG	101.474	165.931	244.785	326.132	27.871	31.530

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và Quý I/2023 của VFS

i. Thông tin điều chỉnh số dư đầu kỳ

Bảng 26: Thông tin điều chỉnh số dư đầu kỳ (năm 2021)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số trước điều chỉnh năm 2021	Số điều chỉnh lũy kế các năm trước	Số điều chỉnh năm 2021	Số sau điều chỉnh năm 2021
I	Báo cáo tài chính riêng				
1	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	2.870	10.022	12.891
2	Lợi nhuận chưa thực hiện	64.457	(2.870)	(10.022)	51.566
II	Báo cáo kết quả hoạt động riêng				
1	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	10.022	10.022
2	Chi phí thuế thu nhập	9.631	-	10.022	19.653
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	88.918	-	(10.022)	78.896
III	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu				
1	Lợi nhuận chưa phân phối	137.028	(2.870)	(10.022)	124.136
2	Lợi nhuận chưa thực hiện	64.457	(2.870)	(10.022)	51.566

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022 của VFS

Năm 2022, Công ty thực hiện hồi tố số liệu kế toán của các năm từ năm 2016 đến năm 2021 và được trình bày tại Thuyết minh E.4 “Thông tin so sánh”. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế

thu nhập doanh nghiệp năm 2021 điều chỉnh giảm 10,02 tỷ đồng so với số đã công bố (88,92 tỷ đồng) do tăng Chi phí thuế thu nhập hoãn lại là 10,02 tỷ đồng.

(*) Chi tiết tại Thuyết minh E.4 “Thông tin so sánh”, Thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 27: Các hệ số tài chính

Chỉ tiêu	ĐV tính	Năm 2021	Năm 2022
1. Khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	Lần	59,18	84,09
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	59,18	84,09
2. Cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,026	0,028
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,026	0,029
3. Năng lực hoạt động			
Doanh thu hoạt động/Vốn chủ sở hữu	Vòng	0,134	0,156
Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản	Vòng	0,131	0,152
4. Khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	%	63,31	40,78
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,36	6,57
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,36	6,39
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu hoạt động	%	79,08	50,91

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC kiểm toán 2021, BCTC kiểm toán 2022 của VFS

Các hệ số tài chính đều thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng trong giai đoạn 2021 – 2022 khi Công ty đã tối ưu hóa việc sử dụng vốn vào hoạt động kinh doanh, thể hiện ở việc tăng doanh thu cùng giảm chi phí hoạt động, điều này được thể hiện

ở chỉ tiêu khả năng thanh toán, chỉ tiêu cơ cấu vốn, chỉ tiêu năng lực hoạt động và chỉ tiêu khả năng sinh lời.

- Chỉ tiêu khả năng thanh toán được thể hiện ở hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh. Hai hệ số này đều tăng từ 59,18 lần trong năm 2021 lên 84,09 lần trong năm 2022. Công ty có tiềm lực tài chính mạnh, khả năng thanh toán cao khi Công ty sử dụng nguồn vốn nội lực thay vì đòn bẩy tài chính.
- Chỉ tiêu cơ cấu vốn tăng nhẹ nhưng đều dưới 0,03 lần cho thấy tiềm lực của Công ty khi sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu nhiều hơn trong hoạt động kinh doanh của mình thay vì sử dụng đòn bẩy tài chính là các khoản vay.
- Hai chỉ tiêu năng lực hoạt động năm 2022 đều tăng (đạt 0,156 và 0,152 vòng) so với năm 2021, cho thấy Công ty khai thác tốt vốn chủ sở hữu để tạo ra doanh thu.
- Các chỉ số khả năng sinh lời năm 2022 đều giảm so với năm 2021 do sự biến động của thị trường chứng khoán năm vừa qua dẫn lợi nhuận của Công ty không đạt được như kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, nhờ việc sử dụng hiệu quả tài sản và vốn trong việc tạo ra doanh thu, lợi nhuận cũng như giảm thiểu chi phí trong hoạt động kinh doanh của mình nên các chỉ số khả năng sinh lời của Công ty vẫn tương đối tốt, trong đó ROE đạt 6,57%.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Bảng 28: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Ông Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Anh Thắng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
3	Ông Nguyễn Tài Vinh	Thành viên HĐQT
4	Bà Trịnh Thị Lan	Thành viên HĐQT
5	Bà Tạ Hải Hà	Thành viên HĐQT độc lập
II	Ban Kiểm soát	
1	Ông Trần Văn Dương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Hoàng Minh Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Trương Văn Tiến	Thành viên Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
III	Ban Tổng Giám đốc	
1	Ông Trần Anh Thắng	Tổng Giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
3	Bà Trịnh Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Bà Lê Thị Thùy Dung	Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng Quản trị

❖ Ông Nguyễn Thế Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: _____ cấp ngày _____ tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: _____
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 – 2010	Công ty cổ phần Hợp tác vốn TNK Capital – Hà Nội	Quản lý chi nhánh
2010 – 2014	Công ty Cổ phần Omega – Hà Nội	Giám đốc
2010 - Nay	Công ty Cổ phần Ô tô Á Châu Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
2014 – 2017	Công ty TNHH Lexim – Hà Nội	Giám đốc bán hàng

2017 – Nay	Công ty CP Giáo dục Amber Academy	Tổng giám đốc
2019 – 04/2021	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
04/2021- Nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giáo dục Amber Academy
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô Á Châu Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 480.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân: 0,598%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần đại diện: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Chủ tịch HĐQT theo quyết định của ĐHCĐ

❖ **Ông Trần Anh Thắng – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị**

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: _____ cấp ngày _____ tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: _____
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2010 – 08/2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)	Trưởng phòng Phân tích & Tư vấn đầu tư
08/2011 – 08/2016	Công ty cổ phần Chứng khoán Everest (EVS)	Trưởng phòng Phân tích & Tư vấn đầu tư
08/2016 - Nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Hà Nội Non Nước	Chủ tịch HĐQT
02/2017 – 03/2017	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Thành viên HĐQT
03/2017 – 05/2018	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Chủ tịch HĐQT
05/2018 – 03/2021	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Chủ tịch HĐQT - kiêm TGD
03/2018 – 10/2019	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	Chủ tịch HĐQT
10/2019 - 11/2021	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	Thành viên HĐQT
04/2021 - Nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
10/2021 - Nay	Công ty Cổ phần Amber Capital Holdings	Chủ tịch HĐQT
04/2022 -Nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Người phụ trách quản trị Công ty
02/2023 - Nay	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Nam	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Amber Capital Holdings
 - + Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Nam (EIB)
- Số cổ phần nắm giữ: 8.613.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân: 10,733%

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần đại diện: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan: 10,966%
- Người có liên quan:
- ❖ Công ty Cổ phần Amber Capital Holdings:
 - + Môi quan hệ: Chủ tịch HĐQT
 - + Số lượng cổ phần sở hữu: 8.800.000 cổ phần tương ứng với 10,966% vốn điều lệ Công ty.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Phó Chủ tịch thường trực HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ và tiền lương Tổng Giám đốc theo Hợp đồng lao động.

❖ **Ông Nguyễn Tài Vinh – Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: _____ cấp ngày _____ tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: _____
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2009 - 2010	Công ty Cổ phần Chứng khoán Click and Phone	Chuyên viên môi giới
2010 - 2013	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Phó Giám đốc Chi nhánh
2014 - 2015	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	Trưởng phòng môi giới
2015 - 2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Trưởng phòng môi giới
2016 - 2017	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	Trưởng phòng môi giới

09/2017 - 07/2020	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Trưởng phòng môi giới
08/2020 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Giám đốc môi giới
04/2023 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc môi giới.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 200.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân: 0,25%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần đại diện: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan: 0,0054%
- Người có liên quan:
- ❖ **Lê Thị Thu Trang:**
 - + Mối quan hệ: Vợ
 - + Số lượng cổ phần sở hữu: 4.300 cổ phần tương ứng với 0,0054% vốn điều lệ Công ty.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ và tiền lương Giám đốc môi giới theo Hợp đồng lao động.
- ❖ **Bà Trịnh Thị Lan – Thành viên Hội đồng Quản trị**
 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: _____ cấp ngày _____ tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: _____
 - Nơi sinh: Thanh Hóa
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2006 - 10/2007	Công ty Cổ phần Misa	Trưởng nhóm Tư vấn kế toán phần mềm kế toán Misa
10/2007 - 06/2010	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh	Chuyên viên Tư vấn tài chính doanh nghiệp
07/2010 - 06/2017	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Chuyên viên Tư vấn cao cấp Khối Ngân hàng Đầu tư
07/2017 - 04/2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Trưởng phòng Phòng Tư vấn và Bảo lãnh phát hành
04/2021 – 04/2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
04/2023 – Nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 3.850.800 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân: 4,80%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần đại diện: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan: 0%.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHCĐ và tiền lương Phó Tổng Giám đốc theo Hợp đồng lao động.

❖ **Bà Tạ Hải Hà – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập**

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: _____ cấp ngày _____ tại Cục cảnh sát Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: _____

- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nghiên cứu thị trường & chiến lược Marketing
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2010 - 11/2011	Sở Kế Hoạch Đầu Tư Hà Nội	Nhân viên tư vấn đầu tư nước ngoài
12/2011 – 04/2013	Công ty Tài chính Cổ phần HANDICO	Chuyên viên Marketing
05/2013 - 05/2015	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Mv	Chuyên viên Marketing
06/2015 - 11/2015	Công ty Cổ phần Cung cấp giải pháp và Công nghệ cao Việt Nam	Trưởng phòng Marketing
12/2015 - 02/2017	Công ty Cổ phần Công nghiệp Weldcom	Phó phòng Marketing
03/2017 - 12/2017	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	Trưởng nhóm Marketing
04/2018 - 09/2019	Công ty TNHH Kowon	Giám đốc Marketing
10/2019 - 04/2021	Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Sản xuất VinSmart	Trưởng phòng Marketing Thương Hiệu
06/2021 - nay	Công ty Cổ phần Amber Capital	Trưởng ban Marketing
04/2023 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban Marketing Công ty Cổ phần Amber Capital
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần đại diện: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ.

12.2 Ban Kiểm soát

❖ Ông Trần Văn Dương – Trưởng Ban Kiểm soát

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: _____ cấp ngày _____ tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: _____
- Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2007	CTCP Cung cấp dịch vụ thông tin	Nhân viên
2008 - 2013	Ngân hàng TMCP An Bình	Trưởng bộ phận kinh doanh Phòng Đầu tư tài chính
2014 - 2017	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình	Trưởng phòng Đầu tư
2017 - 2018	Công ty TNHH Amber Finance	Tổng giám đốc
2017 – Nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 600.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân: 0,748%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần đại diện: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan: 0,001%

- Người có liên quan:
- ❖ Nguyễn Ngọc Bích:
 - + Môi quan hệ: Vợ
 - + Số lượng cổ phần sở hữu: 1.000 cổ phần tương ứng với 0,001% vốn điều lệ Công ty.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Trưởng BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- ❖ Ông Hoàng Minh Thắng – Thành viên Ban kiểm soát
 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: _____ cấp ngày _____ tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú &DLQG về dân cư
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: _____
 - Nơi sinh: Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2017 – 08/2018	Công ty Cổ phần Thế Giới Tinh Hoa	Chuyên viên Truyền thông - Marketing
10/2018 – 03/2022	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Ho.Re.Ca Việt Nam	Chuyên viên Truyền thông - Marketing
11/2022 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Chuyên viên Truyền thông - Marketing
04/2023 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần đại diện: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ và tiền lương chuyên viên Truyền thông - Marketing theo Hợp đồng lao động.

❖ **Ông Trương Văn Tiến - Thành viên Ban Kiểm soát**

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: _____ cấp ngày _____ tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: _____
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2001 - 03/2007	Trung tâm Văn hóa Thể thao TTN miền Nam (TWĐ TNCS Hồ Chí Minh)	Phụ trách Hành chính-Nhân sự; Ủy viên BCH Đoàn cơ sở phía Nam Cơ quan Trung ương Đoàn
04/2007 – 03/2008	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại Chi nhánh TP. HCM	Phụ trách Phòng HCNS
04/2008 – 04/2016	Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt	Phòng HCNS
09/2018 - nay	Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt	Chuyên viên Phòng Tư vấn và Bảo lãnh phát hành
04/2021- nay	Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

- Số cổ phần nắm giữ: 9.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân: 0,011%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần đại diện: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ và tiền lương Chuyên viên Phòng Tư vấn và Bảo lãnh phát hành theo Hợp đồng lao động.

12.3 Ban Tổng Giám đốc

❖ Ông Trần Anh Thắng – Tổng Giám đốc

Sơ yếu lý lịch xem Mục 12.1. Hội đồng quản trị.

❖ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: _____ cấp ngày _____ tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: _____
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 – 06/2017	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	Chuyên viên phân tích
07/2017 – 08/2022	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Trưởng phòng Phân tích
09/2019 – 01/2020	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Phụ trách Quản trị rủi ro

01/2020 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
03/2023 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 200.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân: 0,249%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan: 10,734%
- Người có liên quan:
 - **Bùi Bá Thanh**
+ Môi quan hệ: Chồng
+ Số lượng cổ phần sở hữu: 600 cổ phần tương ứng với 0,001% vốn điều lệ Công ty.
 - **Trần Anh Thắng:**
+ Môi quan hệ: Anh rể
+ Số lượng cổ phần sở hữu: 8.613.000 cổ phần tương ứng với 10,733% vốn điều lệ Công ty.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Tiền lương Phó Tổng Giám đốc theo Hợp đồng lao động.

❖ **Bà Trịnh Thị Lan – Phó Tổng Giám đốc**

Sơ yếu lý lịch xem Mục 12.1. Hội đồng quản trị

12.4 Kế toán trưởng

❖ **Bà Lê Thị Thùy Dung – Kế toán trưởng**

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: _____ cấp ngày _____ tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: _____
- Nơi sinh: Lâm Đồng
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2009 - 2010	Công ty TNHH Tin Long	Nhân viên Kế toán
2010 -2012	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Bất động sản Đông Á Việt Nam	Nhân viên Kế toán
2013 - 2015	Công ty TNHH Quốc tế Cát Vân Sa	Kế toán tổng hợp
2015 - 2018	CTCP Chứng khoán Nhất Việt	Kế toán tổng hợp
2018 - nay	CTCP Chứng khoán Nhất Việt	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 280.500 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân: 0,350%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Tiền lương Kế toán trưởng theo Hợp đồng lao động.

13. Tài sản

Bảng 29: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/03/2023

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	9.602	1.289	13,42
1. Phương tiện vận tải	0	0	-
2. Dụng cụ quản lý	9.602	1.289	13,42

II. Tài sản cố định vô hình	13.088	5.528	42,24
1. Phần mềm máy vi tính	13.088	5.528	42,24
Tổng cộng	22.690	6.817	30,04

Nguồn: BCTC Quý I năm 2023 của VFS

14. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 30: Dự kiến doanh thu và lợi nhuận

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
			Kế hoạch	% Tăng/giảm so với năm 2022	Kế hoạch	% Tăng/giảm so với năm 2023
1	Vốn điều lệ	802.500	1.200.000	49,53	2.400.000	100,00
2	Tổng Doanh thu	170.621	230.484	35,09	215.000	-6,72
4	Lợi nhuận sau thuế	62.995	80.088	27,13	115.000	43,59
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Tổng Doanh thu	36,92%	34,75%	-5,88	53,49	53,92
6	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	6,57%	6,74%	2,57	5,79%	-14,12
7	Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	-	0%	-

(Nguồn: Kế hoạch Tổng doanh thu, Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của VFS thông qua tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2023)

❖ Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Năm 2023, Công ty đề ra kế hoạch Tổng doanh thu là 230,484 tỷ đồng, trong đó doanh thu môi giới là 44,453 tỷ đồng, doanh thu dịch vụ là 68,995 tỷ đồng, doanh thu tự doanh là 96,647 tỷ đồng, doanh thu tư vấn là 2,030 tỷ đồng, lãi tiền gửi là 18,306 tỷ đồng, doanh thu khác là 50 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế là 80,088 tỷ đồng. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên được xây dựng dựa trên vào các hợp đồng đang đã ký và đang thực hiện đàm phán với các đối tác của VFS. Để đạt được mục tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã đặt ra, nhiệm vụ cụ thể của VFS trong năm 2023 như sau:

- Triển khai các nghiệp vụ kinh doanh, tham gia vào Thị trường chứng khoán phái sinh ngay khi Công ty đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Chuyển đăng ký giao dịch Upcom sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong năm 2023. Điều này sẽ giúp tăng tính thanh khoản, ngoài ra sẽ nâng cao hình ảnh Công ty, thu hút sự quan tâm của các Nhà đầu tư, tối đa hóa lợi ích của cổ đông.
- Tập trung phát triển mạnh mẽ Môi giới, tư vấn đầu tư và đa dạng sản phẩm Dịch vụ tài chính; Ứng dụng công nghệ trong quá trình triển khai các sản phẩm nhằm đưa ra nhiều sản phẩm thuận tiện trong giao dịch, an toàn và đảm bảo tính bảo mật cao.
- Xây dựng mạng Tư vấn trở thành một mảng kinh doanh trọng yếu; Tăng cường số lượng chuyên viên tư vấn, nâng cao kiến thức chuyên môn về nghiệp vụ, mở rộng hệ thống khách hàng mới. Qua đó, đẩy mạnh các mảng nghiệp vụ tư vấn chào bán chứng khoán, tư vấn niêm yết, tái cấu trúc doanh nghiệp...
- Trong bối cảnh thị trường chứng khoán được kỳ vọng diễn biến bớt tiêu cực hơn trong năm 2022, việc tìm kiếm và nắm bắt cơ hội đầu tư Tự doanh chứng khoán cho Công ty cũng sẽ là một trong những hoạt động trọng tâm của công ty trong năm 2023.
- Tiếp tục làm tốt công tác quản trị rủi ro, kiểm tra kiểm soát nội bộ cũng như quy trình, quy chế đảm bảo an toàn tài sản của Công ty cũng như của nhà đầu tư.

Đến hết Quý I/2023 tổng doanh thu của Công ty đạt 97,7 tỷ đồng, tăng 69,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 57,26% kế hoạch năm 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt 6,5 tỷ đồng, đạt 8,04% so với kế hoạch năm 2023, giảm 5,98% cho với cùng kỳ năm trước (Quý I/2022 là thời điểm thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng vượt bậc và VNIndex đạt đỉnh lịch sử). Trong quý I/2023, các hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán khá trầm lắng theo đặc thù kinh doanh. Cụ thể, doanh thu, lợi nhuận các công ty chứng khoán thường không tập trung vào những tháng đầu năm vì với kỳ nghỉ lễ tết dương lịch và tết âm lịch, thời gian thực tế hoạt động trong Quý I chỉ hơn 2 tháng, đồng thời thị trường chứng khoán Quý I năm nay vẫn tiếp tục ghi nhận những khó khăn, thanh khoản thị trường thấp, dòng tiền vào ít, giá cổ phiếu giảm dẫn đến tâm lý e ngại rủi ro đối với cổ phiếu của các nhà đầu tư. Trong bối cảnh đó, Quý I/2023 nhiều Công ty chứng khoán báo kết quả kinh doanh thua lỗ còn VFS vẫn có kết quả kinh doanh dương. Trong quý, hoạt động tự doanh mang lại nguồn doanh thu, lợi nhuận chính do Công ty bán phần lớn các tài sản tài chính trong danh mục tự doanh. Kết quả hoạt động kinh doanh Quý I/2023 đã ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện của Công ty đạt 81,45 tỷ đồng nhưng do trong kỳ Công ty bán các mã chứng khoán trong danh mục tự doanh nên Công ty phải thực hiện hoàn nhập khoản lợi nhuận chưa thực hiện 73,2 tỷ đồng đối với phần giá trị chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính đã ghi nhận ở thời điểm cuối kỳ trước. Trong các quý tiếp theo, cùng với sự tăng trưởng kinh tế và tình hình thị trường chứng khoán sôi động hơn, doanh thu, lợi nhuận của Công ty sẽ tăng trưởng tương ứng.

Theo nhận định, tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam có cơ hội để phục hồi trở lại từ giữa năm 2023 nhờ những điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho nền kinh tế như: du lịch hồi phục nhờ Trung Quốc mở cửa, Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công mang đến hiệu ứng lan tỏa cho nền kinh tế, lãi suất có xu hướng hạ nhiệt, ... Từ Quý III năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ phục hồi hướng đến mục tiêu nâng hạng thị trường.

Trong Quý II/2023, sau nhiều đợt giảm lãi suất liên tục của Ngân hàng nhà nước và sau khi có nhiều thông tin chính sách vĩ mô và chính sách hỗ trợ liên quan đến bất động sản được đưa ra, dòng tiền của nhà đầu tư đã dần quay trở lại với thị trường chứng khoán. Trong tháng 6/2023, chỉ số VNIndex phục hồi, tăng vượt ngưỡng 1.120 điểm, thanh khoản đạt mức cao nhất từ đầu năm 2023. Khối lượng và giá trị giao dịch của các nhà đầu tư tại Công ty tăng đáng kể so với các Quý trước. Đi cùng với đó, giá trị cho vay ký quỹ của Công ty cũng tăng theo. Đồng thời, trong Quý Công ty đã gia tăng đầu tư tự doanh các cổ phiếu của doanh nghiệp trên sàn có hoạt động kinh doanh tốt, có nhiều tiềm năng tăng trưởng và trái phiếu chính phủ. Tại thời điểm đầu tháng 6/2023, Tài sản của Công ty chủ yếu gồm: 390 tỷ các khoản cho vay, 238 tỷ đồng các tài sản tự doanh (cổ phiếu và trái phiếu chính phủ), phần còn lại là tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn để chuẩn bị cho các hoạt động cho vay ký quỹ và hoạt động tự doanh.

Trong các Quý tiếp theo, nguồn vốn của Công ty cũng sẽ được cân đối phân bổ phù hợp cho các hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư tự doanh chứng khoán và cho vay ký quỹ, cũng như đầu tư phát triển mở rộng hoạt động môi giới, dịch vụ chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp. Cùng với những diễn biến sôi động trên thị trường chứng khoán, dự kiến giá trị giải ngân cho khách hàng vay và giá trị đầu tư tự doanh của Công ty trong các Quý tiếp theo sẽ gia tăng đáng kể giúp tối ưu hóa hiệu suất sử dụng nguồn vốn của Công ty.

❖ Kế hoạch tăng Vốn điều lệ

Hiện tại, Vốn điều lệ Công ty đang là 802,5 tỷ đồng. So với các Công ty chứng khoán trên thị trường như Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI, Vốn điều lệ của VFS đang ở mức nhỏ, điều này sẽ hạn chế tiềm năng cũng như hoạt động kinh doanh của VFS.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua kế hoạch tăng vốn năm 2023-2024 của Công ty theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2023, cụ thể gồm:

- (i) Dự kiến năm 2023, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 802,5 tỷ đồng lên 1.200 tỷ đồng thông qua việc phát hành riêng lẻ 39.750.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu. Mục đích của đợt tăng vốn này là đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh đối với thành viên bù trừ chung; nâng cao năng lực tài chính để bổ sung vốn hoạt động cho vay ký quỹ chứng khoán qua đó khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường, tăng thị phần môi giới và đồng thời bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh của Công ty để kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư kinh doanh trên thị trường tài chính nhằm tăng trưởng doanh thu hoạt động của Công ty. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ được Công ty sử dụng để Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán (200 tỷ đồng) và Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (197,5 tỷ đồng). Ngày 09/06/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc triển khai thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại Nghị quyết số 07/2023/NQ/VFS-HĐQT, dự kiến sẽ chào bán cho 08 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- (ii) Sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ, Công ty dự kiến trong năm 2024 sẽ thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 1.200 tỷ đồng lên 2.400 tỷ đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền là 1 : 1, giá chào

bán dự kiến 10.000 đồng/cổ phiếu. Mục đích của đợt tăng vốn này là Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty và Tăng vốn điều lệ giúp VFS chủ động, linh hoạt hơn trong sử dụng nguồn lực tài chính giảm áp lực huy động vốn từ các nguồn khác, từ đó tăng vị thế cạnh tranh trên thị trường, tận dụng tốt hơn các cơ hội đầu tư. Việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến hoàn thành trong năm 2024. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng được Công ty sử dụng để Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán (600 tỷ đồng) và Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (600 tỷ đồng).

Với mức Vốn điều lệ sau khi tăng, Công ty tự tin sẽ đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, nâng cao vị thế của VFS cũng như sức cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Cụ thể, khi vốn chủ sở hữu của Công ty tăng lên thì hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi loại chứng khoán cũng tăng theo giúp thu hút khách hàng. Đồng thời khi có thêm vốn Công ty có thể kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư kinh doanh trên thị trường tài chính để tối đa hóa lợi nhuận. Ngoài ra, VFS dự kiến cũng sẽ mở rộng thêm hoạt động vào mảng chứng khoán phái sinh – vốn là lĩnh vực đã và đang được các nhà đầu tư đón nhận, có bước phát triển ấn tượng với mức tăng trưởng tốt và ổn định. Đây được coi là thị trường vô cùng tiềm năng và sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Việc gia nhập thị trường chứng khoán phái sinh để phát triển các sản phẩm dịch vụ nhằm đa dạng sản phẩm hoạt động của Công ty.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:

Không có.

16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Không có.

17. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết:

80.250.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp

luật hoặc của tổ chức niêm yết

4.1 Hạn chế chuyển nhượng theo quy định đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của cổ đông theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ” như sau:

Bảng 31: Danh mục cổ đông hạn chế chuyển nhượng theo quy định với tổ chức đăng ký niêm yết

STT	Tên cổ đông	Chức vụ	Số cổ phần cá nhân sở hữu	Số cổ phần đại diện sở hữu	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm
1	Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch HĐQT	480.000	0	480.000	240.000
2	Trần Anh Thắng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và Người phụ trách quản trị Công ty	8.613.000	0	8.613.000	4.306.500
3	Nguyễn Tài Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc môi giới	200.000	0	200.000	100.000
4	Trịnh Thị Lan	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	3.850.800	0	3.850.800	1.925.400
5	Tạ Hải Hà	Thành viên HĐQT độc lập	0	0	0	0
6	Trần Văn Dương	Trưởng BKS	600.000	0	600.000	300.000
7	Hoàng Minh Thắng	Thành viên BKS	0	0	0	0
8	Trương Văn Tiến	Thành viên BKS	15.500	0	15.500	7.750

STT	Tên cổ đông	Chức vụ	Số cổ phần cá nhân sở hữu	Số cổ phần đại diện sở hữu	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm
9	Lê Thị Thùy Dung	Kế toán trưởng	280.500	0	280.500	140.250
10	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	200.000	0	200.000	100.000
11	Công ty Cổ phần Amber Capital Holdings	Không	8.800.000	0	8.800.000	4.400.000
Tổng cộng			23.639.800	0	23.639.800	11.819.900

Nguồn: VFS

4.2 Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập theo quy định pháp luật

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định về cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập: “*Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó*”, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/UBCK-GP ngày 13/10/2008, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN số 0306081775 cấp lần đầu ngày 13/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01/07/2022. Do vậy, sau ngày 13/10/2011, tất cả các cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3 Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông mua cổ phiếu nhà đầu tư không đặt mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng và hạn chế chuyển nhượng của cổ đông mua cổ phiếu trong đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ theo quy định của pháp luật

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định: “*Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Những người có quyền lợi liên quan đến việc phân phối cổ phiếu không được tham gia biểu quyết. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán*”.

Theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 31 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày

26/11/2019 quy định: “Việc chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật”.

Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của cổ đông mua cổ phiếu dư nhà đầu tư không đặt mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng và cổ đông mua cổ phiếu trong đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ năm 2021 theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 05/2021/NQ/VFS-HĐQT ngày 11/05/2021 và số 15/2021/NQ/VFS-HĐQT ngày 04/10/2021, cụ thể số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của các cổ đông là 29.441.934 cổ phiếu và thời gian hạn chế chuyển nhượng từ ngày 05/10/2021 đến ngày 05/10/2022. Do vậy, sau ngày 05/10/2022, tất cả các cổ phần của cổ đông mua cổ phiếu dư nhà đầu tư không đặt mua hết trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2021 và cổ đông mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

5. Xếp hạng tín nhiệm

Không có

6. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến được tính theo các phương pháp sau

- Phương pháp 1: Phương pháp giá trị sổ sách;
- Phương pháp 2: Phương pháp bình quân giá đóng cửa của ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trên Sàn giao dịch chứng khoán UPCoM.

Phương pháp 1: Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách

Công thức tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn Chủ sở hữu – Tài sản vô hình}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành}}$$

Bảng 32: Giá trị sổ sách của cổ phần VFS

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	31/03/2023
Vốn chủ sở hữu – Tài sản vô hình	Triệu đồng	983.905	996.276
Số lượng cổ phần	Cổ phần	80.250.000	80.250.000
Giá trị sổ sách 1 cổ phần	Đồng	12.260	12.415

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và BCTC Quý I/2023 tự lập của VFS

Phương pháp 2: Định giá cổ phiếu theo phương pháp bình quân giá đóng cửa của ít nhất

hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trên sàn giao dịch chứng khoán UPCoM.

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu VFS trong ngày giao dịch đầu tiên sẽ được Công ty xác định và thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại tổ chức niêm yết theo quy định pháp luật: Công ty Chứng khoán Nhất Việt đã thực hiện nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra công văn chấp thuận số 3020/UBCK-QLKD ngày 21/06/2021 về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa xác định tại VFS là 100%

8. Các loại thuế có liên quan

8.1 Đối với Công ty:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng là 20%.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Thuế Giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của VFS thực hiện theo quy định của Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đang áp dụng là 10%.

Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

8.2 Đối với nhà đầu tư, cổ đông của Công ty:

- **Nhà đầu tư cá nhân**

Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì thuế TNCN từ hoạt động giao dịch chứng khoán gồm:

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Điều 16, thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 16/06/2015 của Bộ Tài chính quy định Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Thu nhập từ cổ tức

Thông tư số 111/2013/TT-BTC quy định thu nhập của cá nhân từ cổ tức được xem là thu nhập chịu thuế.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phần hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

- **Nhà đầu tư tổ chức**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức

Được miễn thuế theo quy định tại khoản 6, Điều 4 Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3820 5944 - 028 3820 5947 Fax: 028 3820 5942

Website: <https://aascs.com.vn/>

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty

Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, 2022, BCTC quý I/2023 tự lập của VFS.

Phụ lục IV: Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu.

Phụ lục V: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.

Phụ lục VI: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.

Phụ lục VII: Các tài liệu khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 06 năm 2023

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



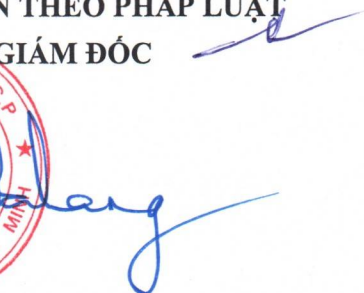
NGUYỄN THẾ ANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



TRẦN VĂN DƯƠNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH THẮNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ THÙY DUNG

